

Hợp thể Sa Huỳnh và đôi điều cảm ngộ

• **Phạm Đức Mạnh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Bài này giới thiệu những thành tựu khảo sát – khai quật – giám định – nghiên cứu và nhận thức căn bản mới về truyền thống văn hóa đặc sắc mệnh danh là “Phức hệ Sa Huỳnh”. Căn cứ vào hệ thống tư liệu qua cả thế kỷ phát hiện và nghiên cứu, tác giả nêu rõ quan điểm của mình về “Không gian văn hóa” cực Nam Trung Bộ của Phức hệ Sa Huỳnh với những đặc trưng độc đáo trong không gian và thời gian tồn tại và phát triển của nó.

Tác giả giải trình các ý tưởng chính sau:

Từ khóa: mộ chum, phức hệ Sa Huỳnh, thời đại Sắt sớm

Mở đầu

Bài viết điểm qua các cương vực cư trú - sinh tồn - lao động sáng tạo văn hóa Sa Huỳnh cơ yếu ở miền Nam Trung Bộ và cố gắng trong tình hình tri thức khảo cổ học hiện có đề “*Hợp thể Di sản Sa Huỳnh*” từ thuở manh nha thời Đá mới muộn đến các giai đoạn tạo hình văn hóa Đồng và kết tinh thời Sơ Sắt vào văn minh Cổ đại. Hiển nhiên, còn nhiều trống vắng nguồn liệu trong trường kỳ lịch sử và không gian phẳng của cả Phức hệ này, những “*lời bình*” ở đây chỉ nên coi là “*các giả thuyết công tác*” của riêng tác giả, nhất là các suy tính về cội nguồn Sa Huỳnh và các tổ chất “*nội hàm*” và “*ngoại diện*” hiển thị ở những vùng – miền văn hóa Sa Huỳnh mà theo cảm niệm của riêng người viết là “*khác về chất*” - về “*mô thức sống*” với các dấu tích cùng kiểu mộ chum viền quanh nó. Qua thảo luận với nhiều đồng nghiệp từng thâm niên điền dã miền đất quê hương các “*Di sản văn hóa Thế giới*” hiện biết ở Việt Nam – kiến giải của tác giả có chỗ biểu dương nhưng cũng có chỗ có thể làm bạn đọc nhầm

+ *Định lượng và định tính đặc trưng Phức hệ Sa Huỳnh trong thời gian và không gian phẳng sinh tồn và lớn lên của nó.*

+ *Qua đó, nêu lên những suy nghĩ về cội nguồn Sa Huỳnh và các tổ chất “nội hàm” và “ngoại diện” của nó.*

+ *Cuối cùng, nêu lên các vấn đề còn nan giải của Sa Huỳnh về học thuật, về nghiên cứu hệ thống và về việc bảo tồn di sản trước các nguy cơ bị hủy hoại của chính nó và để gìn giữ nó “cho hôm nay và cho muôn đời sau”.*

hiều như là trái ngược, thực tâm tôi chỉ muốn – giống như TS Nga A.E.Matjukhin khi tiếp cận Núi Độ năm 1991: “*xuất phát không phải sự được thua về quan điểm*” mà chính từ “*khát vọng*” tiệm tiến chân lý lịch sử nguyên thủy “*trên mảnh đất này*” và còn muốn bày tỏ băn khoăn về không ít vấn đề nan giải của Sa Huỳnh từ học thuật, nghiên cứu hệ thống và bảo tồn di sản của truyền thống văn hóa cổ kính mà độc đáo này trước các nguy cơ tồn vong hiện hữu để gìn giữ nó cho “*ngày nay, cho ngày mai và cho muôn đời sau*”.

1. Ba cương vực cư trú & lao động sáng tạo văn hóa Sa Huỳnh

1.1. Sa Huỳnh Bắc – đèo Hải Vân & vùng ven

Miền cương vực này ngự trị chất “*Sa Huỳnh núi*” với các dải thung lũng đồi núi đá ong từ “*miệt cao*” vắt ngang đèo Hải Vân về đồng bằng duyên hải trong lòng đất Thừa Thiên - Huế (Cồn Dài, Cồn Ràng, Cửa Thiên) đến các dải đồi ở đôi bờ dòng chảy “*huyết mạch*” xứ Quảng Thu Bồn và các chi lưu Sông Cái, Sông Con, sông Vu Gia, sông Tiên,

NIÊN BIỂU CHUNG		Niên đại C14 hiện có (năm BP)	MIỀN ĐỊA + SINH THÁI	SA HUỖNH ĐẤT LIỀN			SA HUỖNH ĐẢO GẦN
Thời kỳ	Giai đoạn		MIỀN VĂN HÓA	SA HUỖNH BẮC	SA HUỖNH TRUNG ĐIỂM	SA HUỖNH NAM	
I (thời Đa mới) MẠNH NHA	muộn	Bàu Dũ 5030±60 4510±50 3310±60		Cồn Nền Bàu Dũ			
II (thời kỳ Đồng) — TẠO HÌNH	sớm	Xóm Cồn: 4140 ±85 Bãi Ông-Hòn Lao: 3470±60; 3230±40; 3100±60; 3010±60 Long Thanh: 3370±40; 2875±60 Bích Đàm: 2935±65	Vườn Đình-Khuê Bắc Gò Ba Tham Gò Miếu	Long Thanh (sớm) Đình Cũ, Núi Sứa, Gò Mới, Đập Nà, Gò Quánh, Trà Phong, Tĩnh Thọ, Trường Xê	Văn Từ Đông, Xóm Cồn, Cù Hìn, Cồn Đình, Khe Ông Dầu, Bến Đò Dưới, Suối Mây, Gò Ốc, Mỹ Tường	Bãi Ông-Hòn Lao, Bích Đàm, Bình Ba, Bình Hưng	
	giữa	Bình Châu: 1185±40	Gò Bà Tham, Gò Miếu, Đồng Cây Lội	Bình Châu, Thôn Nam, Trảng Quỳnh,	Vĩnh Yên, Hòn Đò (sớm), Bàu Hộc (sớm)	Xóm Ốc (sớm), Long Sơn	
	muộn		Hậu Xá, Phú Hòa	Gò Kim, Gò Quê	Hòn Đò (muộn), Gò Đình		
III (thời kỳ Sắt) — KẾT TINH	sớm	Cồn Ràng: 3310±55; 2770±65 2630±60; 2490±70 Cồn Dải: 2320±65; 2260±75 Quê Lộc: 2210±50 Gò Mã Vôi: 2342±45 An Bang: 2260±90 Hậu Xá II: 2040±60 Xóm Ốc: 1910±60; 1900±60 Động Cườm: 2975±60 2250±40; 2100±50 1980±50; 1810±55 Hòa Diêm: 2100±100	Cồn Ràng, Cồn Dải, Pa Xua, B' Rang, Tabhing, Gò Đình, Cầm Thi, Đồi Vàng, Gò Ngoài, Gò Mùn, Gò Dừa, Miếu Ông, Thôn Tư, Gò Mã Vôi, Gò Miếu, Gò Quảng, Tiên Lãng, Bình Yên, Quê Lộc, An Bang, Hậu Xá, Xuân Lâm, Lai Nghi, Điện Ngọc, Điện Tiên, Tam Mỹ, Trảng Đông Du, Tam Giang	Long Thanh (muộn), Phú Khương, Thanh Đức, Động Cườm, Gò Mỏ Cối, Vườn Chi	Bàu Hộc (muộn), Hòa Diêm, Gò Bông Dầu, Long Bình, Gò Cây Thi, Gò Duối, Hòa Diêm, Diên Sơn, Động Láng, Động Xara	Xóm Ốc (muộn), Suối Chình	
	muộn	Gò Cầm: 4760±80; 2330±60 2215±60; 2140±60 2065±65; 2060±40 2000±40; 1960±40	Gò Cầm, Thanh Chiêm, Cầm Phô, Đông Nà, Trảng Sỏi				
VĂN MINH CỔ ĐẠI: LÂM ẤP - CHAMPA							

VĂN MINH CỔ ĐẠI: LÂM ẤP - CHAMPA

BẢNG 1. HỢP THẺ SA HUỖNH TRONG NHỮNG PHÂN VÙNG CƠ BẢN

(sông Tranh, sông Bà Rén, Rộc Gồm và sông Hội An) từ miền rừng Hiên – Giăng (Tây Giang và Đông Giang) nơi thượng và trung lưu về cửa bể (các di tích tiêu biểu như Bazi-Xting, Pa Xua, B'rang-Cà Di, Tabhing-thung Kpac, Gò Đình, Cầm Thi và Đồi Vàng, Quê Lộc và Bình Yên, Phú Đa, Tĩnh Yên, Gò Dừa và Dinh Ông, các dải gò Miếu, Quảng, Dinh, Ngoài, Mùn, Thôn Sẻ, Tiên Lãng, Mỹ An, Lai Nghi ở vùng cao, xuống các dải gò đất đỏ và cồn bàu cát trắng đồng bằng hạ nguồn Thu Bồn như Gò Miếu Ông, Gò Mã Vôi, Gò Dừa, Gò Tây An, Gò Bà Hòm, Gò Ông Nhạn, Gò Cầm, Gò

Bờ Rang, Núi Vàng, Hậu Xá, An Bang, Xuân Lâm, Đồng Nà, Trảng Sỏi, Thanh Chiêm; các gò đất lẫn cồn cát dọc hệ thống sông Tam Kỳ và chi lưu (Vĩnh An) như Bàu Trám (gò Bà Tham và Trảng Đông Du), Bàu Nê, Tam Mỹ, Tam Giang, Phú Hòa và ở cả đảo gần bờ (Hòn Lao, Bãi Ông– Cù Lao Chàm) v.v..

Đây là miền văn hóa Sa Huỳnh sầm uất nhất với 53 di tích = 44,9% (52 điểm đất liền và 1 điểm hải đảo), với các trầm tích chứa di sản văn hóa nguyên thủy nhất của toàn Phức hệ ở các dải cồn sò điệp (placuna placcutalin) Tam Kỳ (Bàu Dũ) hay các

“lớp dưới cùng” của Vườn Đình-Khuê Bắc, Bàu Nê, Gò Bà Tham – Bàu Trám I, Đồng Cây Lội v.v... Những sưu tập công cụ ghè đẽo mang dấu ấn kỹ thuật Hòa Bình – sau Hòa Bình khắc họa “*Truyền thống chế tác đá Bàu Dũ*” còn có ở Gò Bà Tham (25 tiêu bản), ở Gò Miếu và Tam Giang. Công cụ mài vắng bóng cuộc kiểu “*lưỡi mèo*” và rìu bôn “*răng trâu*”, bên cạnh sự áp đảo của rìu tứ giác (41 tiêu bản) với rìu có vai (2 tiêu bản). Đây cũng là cương vực tìm thấy nhiều đồ đồng – sắt, trang sức nhất Phúc hệ, nhưng gần như vắng mặt đồ nhuyễn thể và xương sừng (chỉ 2 tiêu bản ở Hậu Xá và Cù Lao Chàm). Có thể coi vào thời Sơ Sắt, đây là cương vực Sa Huỳnh có nhiều “*yếu điểm*” (Key Sites) nổi bật như Cồn Ràng (103 đồ sắt, 301 gốm, 254 đồ trang sức...), Cồn Dài (40 gốm, 106 đồ trang sức...), Lai Nghi (113 đồ sắt, 45 đồ đồng, 151 gốm, 62474 đồ trang sức với 5000 chuỗi thủy tinh...), Gò Cẩm (47 đồ sắt, 33 đồ đồng ...), Gò Dừa (18 đồ sắt, 10 đồ đồng, 216 đồ trang sức ...), Gò Mả Vôi (27 đồ sắt, 217 gốm, 92 đồ trang sức...), An Bang (23 đồ sắt, 78 đồ gốm, 152 đồ trang sức...), Cẩm Thị (26 đồ sắt, 111 đồ trang sức...), Hậu Xá (46 đồ sắt, 134 đồ gốm, 1088 đồ trang sức...), Bình Yên (24 đồ sắt, 51 đồ gốm, 812 đồ trang sức...). Đáng chú ý là các mộ chum giàu có còn lưu giữ thi hài tiền nhân ở Bình Yên, Gò Dừa và các nghĩa trang chứa mộ đất nguyên thủy hoặc có táng thức mộ vò – nổi lạ lẫm như chôn kép hoặc lồng ba ở B’Rang-Cà Di, Tabhing-thung K’pac, Gò Miếu Ông, Điện Tiến... Ngoài các thành phẩm đồng – sắt chắc chắn “*nhập khẩu*” của Đông Sơn Nam (rìu xéo – lệch vai, chữ nhật, xẻ đuôi cá, đục vũm, giáo chuỗi chữ T hay tượng voi, nhiều lục lạc...) hay đến từ “*Hoa Hạ*” (3 gương Tây Hán “*Tứ ly tứ nhũ*”, “*Tứ nhũ tứ linh kỳ thú*”, “*Nhật Quang kính*” ở Gò Dừa, Lai Nghi, Bình Yên, 24 đồng tiền Ngũ Thù – Vương Mãng ở Vườn Đình-Khuê Bắc, Hậu Xá, Gò Bờ Rang, Thôn Tư, Gò Mả Vôi, 14 dao găm sắt chuỗi vành khăn ở Lai Nghi, An Bang, Xuân Lâm, Gò Cẩm, Bình Yên, Hậu Xá...), cổ vật độc đáo có nhiều nhất Phúc hệ là rìu, mai thuồng,

rựa, giáo lao, dao bầu sắt, nhiều đồ đựng đồng (bát-âu, đĩa, đồ có quai), khâu kiếm, đinh có mũ, khuy có lỗ, bùa hình lá đề, đặc biệt nhóm 15 mũi tên đồng chuỗi sắt ở Gò Cẩm v.v..

Các quan tài gồm đặc trưng nhất là chum hình trụ (87,7%), nắp nón cụt (72,6%), với các biến thể khác nhau, chum hình trứng ít nhưng có biến thể lạ như có người gọi là “*trái xoan-trái đào*” v.v..., cùng bộ gốm táng theo đậm dấu Sa Huỳnh (nồi vò, bát bồng, chậu hũ, bình con tiện, đĩa, ly, đèn...). Đặc biệt có tới 42 dọi se sợi – “*dấu ấn cuối cùng của nghề kéo sợi-dệt vải*” Sa Huỳnh xưa rải khắp 20 “*làng cổ*” từ miền núi đồi xuống đồng bằng cận biển. Bên cạnh các mộ chum vò có trang sức bình dân như khuyên tai gốm hình con đĩa, chuỗi gốm ở Mả Vôi, Phú Hòa, Bích Trâm; còn có những nghĩa trang dây đặc mộ chum vò chứa bảo bối “*dành cho quý tộc Sa Huỳnh*” không nơi nào có, với các dấu tích có giá trị “*gạch nối*” Sa Huỳnh muộn – Chăm sớm thường kèm lẫn gốm in ô vuông Hán, đôi khi có cả tiền Ngũ Thù-Vương Mãng hoặc gương đồng, chuỗi ngọc hình trụ lõm giữa dành cho quý nhân Hoa Hạ ở Núi Vàng, Gò Bờ Rang, Thôn Tư, Gò Quảng, Gò Cẩm, Thôn Tư, Hậu Xá, Thanh Chiêm, Cẩm Phô, Đồng Nà, Trảng Sỏi, Lai Nghi, Phú Hòa, Vườn Đình- Khuê Bắc, An Bang, Bãi Ông – Hòn Lao v.v.. Đây cũng là miền văn hóa tìm thấy nhiều khuyên tai cẩm thạch và thủy tinh hình 2 đầu thú (44 chiếc, cùng cả “*công xưởng chế tạo*” chúng ở Đại Lãnh). Các trang sức vàng và đồ thủy tinh nhân tạo cũng nhiều nhất Phúc hệ và thật đặc sắc như vòng đeo tay thủy tinh màu, chuỗi thủy tinh mạ vàng và hoa tai vàng ở Lai Nghi, chuỗi độc đáo hình hoa-trái hay hình dấu phẩy ở Hậu Xá, An Bang, Gò Mùn, Cồn Dài...

Những di tích có C14 rất hiếm hoi trong các “*động cát*” Sa Huỳnh như Cồn Dài và Cồn Ràng, Bàu Dũ, Gò Mả Vôi, An Bang, Hậu Xá II, Gò Cẩm, Quế Lộc, Bãi Ông và Hòn Lao (Cù Lao Chàm) mà, nếu thật tin vào sự chuẩn xác của chúng thì đã có thể hình dung diễn trình lịch sử văn hóa “*Tiền Sa Huỳnh - Sa Huỳnh - hậu Sa Huỳnh*” vắt dọc từ thời

Tiền sử đến thời Cổ sử – từ niên đại già nhất đến trẻ nhất đều hiển thị kết quả trước Công lịch: 5030 cách nay (BP) (Bàu Dũ), 4760 BP (Gò Cẩm), 3310 BP (Bàu Dũ), 3100, 3010 (Bãi Ông-Hòn Lao), 2770, 2630, 2490 BP (Cồn Ràng), 2342 BP (Gò Mã Voi), 2320 BP (Cồn Dài), 2330, 2215 BP (Gò Cẩm), 2260 BP (Cồn Dài, An Bang), 2210 BP (Quế Lộc), 2140, 2065, 2060 BP (Gò Cẩm), 2040 BP (Hậu Xá II), 2000, 1960 BP (Gò Cẩm) (H1-2)¹.

1.2. Sa Huỳnh trung điểm

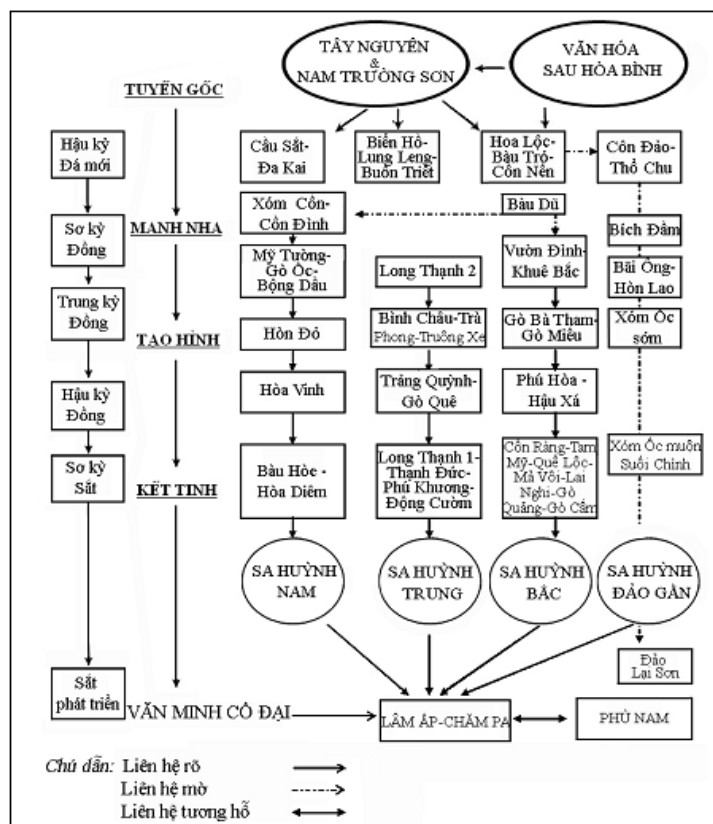
Ở miền văn hóa “quê hương” của tên gọi Sa Huỳnh, những dấu tích nguyên thủy không chỉ ghi nhận ở Long Thạnh, Bình Châu...; mà còn lan đến các di chỉ cư trú miền núi như Trà Xuân (Trà Bồng), Gò Văng (Sơn Hà) về miền đồi trung du và đồng bằng cận biển như Núi Sứa (Tịnh Ấn – Sơn Tịnh), Gò Đình, Gò Nà – Vườn Chì (Bình Sơn), Gò Quánh (Nghĩa Hành), Gò Mới (thị xã Quảng Ngãi). Đây là miền văn hóa Sa Huỳnh mới biết thêm nhiều di chỉ từ đồi núi về đồng bằng cận biển và ở cả đảo gần bờ (Cù Lao Ré – Lý Sơn), với 36 di tích = 30,5% (với 33 điểm đất liền và 3 điểm hải đảo). Các “làng cổ” mang dấu tích cư trú sớm, với các thông tin lịch sử về nghề nông, nghề biển và các ngành thủ công đa dạng (gốm, nấu thủy tinh, luyện kim đồng và rèn sắt...) với nhiều dẫn liệu soi sáng “cội nguồn” huyết hệ với Biển Hồ (Tây Nguyên), Bàu Tró và Lê Thủy (Quảng Bình), Hoa Lộc (Thanh Hóa); hoặc giả với Rú Trăn và Làng Vạc – Đông Sơn Nam ở thời điểm muộn hơn như Núi Sứa, Gò Mới, Gò Quánh, Gò Đập Ná, Bình Châu, Bến Ván, Vườn Chì, Đình Cũ, Thôn Nam, Gò Văng, Trà

Phong, Trà Xuân, Gò Lồi, Chánh Trạch, Thuận Đạo .v.v... Ở 17 di chỉ cư trú, đồ đá có nhiều ở động cát Long Thạnh (gò Ma Vương và Giò Gà) (78 tiêu bản) và ở cả Bình Châu (126 tiêu bản), tỷ lệ riu tứ giác cũng áp đảo có vai (69/11) nhưng công cụ đặc trưng Sa Huỳnh nhất phổ biến là cuộc “lưỡi mèo” (11 tiêu bản) và riu bôn “răng trâu” (19 tiêu bản), bên cạnh “đạn” hay đá ghè tròn thấy nhiều ở Truong Xe, Suối Chình; đồ đồng đậm nét Đông Sơn (riu xòe cân, đục, dao găm cán chữ T và giáo lao lá mía, mũi tên và cả tấm che ngực vuông, lục lạc); di vật đất nung độc bản như chì lưới ở Long Thạnh, quả cân đất nung ở Bình Châu, gốm Sa Huỳnh hay “sau Sa Huỳnh” ở Vườn Chì, Đình Cũ, Gò Kim, Gò Quê, cùng với tiền Ngũ Thủ – Vương Mãng ở Xóm Ốc, Suối Chình.

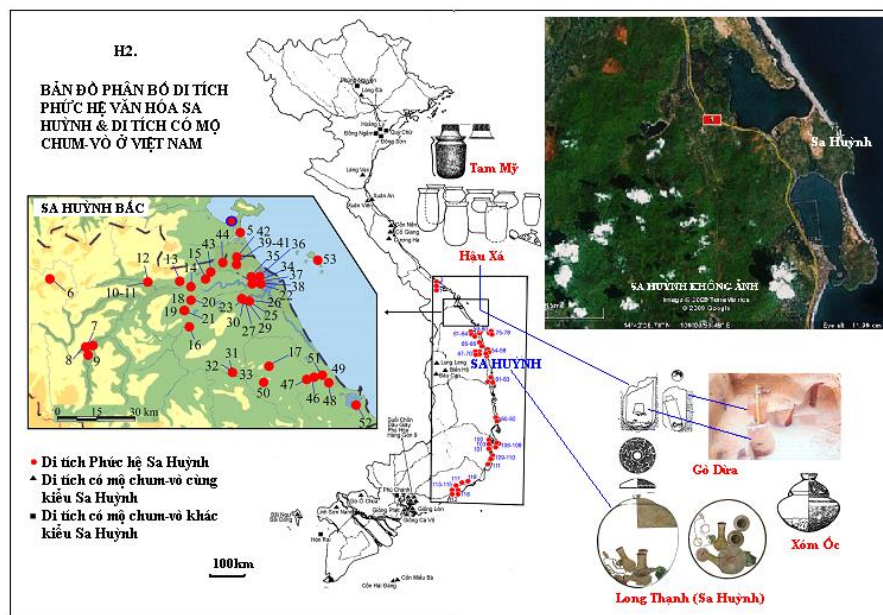
Các nghĩa trang gồm táng thức đặc hữu Sa Huỳnh từ Gò Ma Vương, Gò Kim, Gò Quê, Động Cườm, Truong Xe, Tịnh Thọ, với sự trội vượt chum quan tài hình trứng (54,8%) so với chum hình trụ (17,7%) và hình cầu (27,5%), nắp lòng bàn, cùng sưu tập gốm tùy táng hình con tiện hay “giò cua” có văn khắc vạch – in chấm vô sò, tô màu đen chì hay hoàng thổ đã làm nên những “thương hiệu” của nghệ thuật tạo hình và trang trí đặc sắc nhất Phúc hệ: “bình Long Thạnh” – “bình Bình Châu” mà tôi từng đánh giá là “một trong ba sưu tập gốm Tiền sử – Sơ sử đẹp nhất Đông Nam Á, bên cạnh Phùng Nguyên (Bắc Việt Nam) và Banchiang (Đông bắc Thái Lan)”². Khác với miền Sa Huỳnh Bắc, ở đây đồ sắt không chỉ có nhiều quanh vùng Sa Huỳnh (Long Thạnh – 198 tiêu bản, Động Cườm – 10, Mỏ Côi – 8) mà còn ở đảo Lý Sơn, với sưu tập 23 lưỡi câu đồng-sắt, phục dịch cho các thực đơn “hải sản” của ngư dân Suối Chình – Xóm Ốc, bên cạnh sưu tập công cụ xương sừng và nhuyễn thể lớn nhất Việt Nam: 204 kim, 341 mũi nhọn bằng xương thú, 194 công cụ ghè và 20 nạo bằng nhuyễn thể, 101 hàm răng cá, 463 đốt sống cá và hàng triệu vỏ sò ốc...

¹ Chữ Văn Tàn (1978). Về văn hóa Sa Huỳnh, *KCH*, số 3, tr.52-60. (1983). Nhóm di tích Long Thạnh trong hệ thống văn hóa Sa Huỳnh, *VBTLSVNTBKH*, số 1, tr.56-59. (2004). Văn hóa Sa Huỳnh nhìn lại mười thập kỷ phát hiện và nghiên cứu, *MTKKCHVN*, I, tr.727-730. Lâm Mỹ Dung (2004). Về “Tiền Sa Huỳnh” ở trung Trung Bộ Việt Nam. *NTKKCHVN*, I, tr.741-744. Nguyễn Kim Dung (2005). Di chỉ Gò Cẩm và con đường tiếp biến văn hóa Sa Huỳnh khu vực Trà Kiệu, *KCH*, số 6, tr.17-48. Phạm Đức Mạnh (1985). Suy nghĩ về “không gian văn hóa” của Sa Huỳnh và về Sa Huỳnh, *KCH*, số 3, tr.31-46. (2009). Sa Huỳnh, văn hóa – phức hệ và diện mạo “thống nhất trong đa dạng”, *KCH*, số 5, tr.27-66. Reinecke, A., Nguyễn Chiêu (2004). Một số nhận xét về văn hóa Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Nam từ quan điểm về di tích Gò Mã Voi, *MTKKCHVN*, I, tr.793.

² Phạm Đức Mạnh (1993). Gốm màu trong văn hóa tiền sử Đồng Nai (Việt Nam) và trong bình diện rộng hơn, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3, tr.34-42.



H1. DIỄN TRÌNH VĂN HÓA VẬT THỂ NGUYÊN THỦY - CỎ ĐẠI NAM TRUNG BỘ (VIỆT NAM) THIÊN KỲ II-I BC - NỬA ĐẦU THIÊN KỲ I AD



Đồ trang sức thu nhiều nhất ở vùng đất liền như: Động Cườm (2769 di vật với 2732 chuỗi thủy tinh), Gò Quê (33 chiếc), Gò Văng (14 chiếc), ở đây còn có vòng tay và bông tai có mẫu bằng thủy tinh, nhẫn đồng và nhiều nhất đảo Lý Sơn là vòng và lõi vòng nhuộm thê, hạt chuỗi bằng đốt sừng cá... Các “làng thương-chài” hình thành sớm và định cư “thiên niên” ở đảo gần bờ Lý Sơn, cùng các nghĩa trang kê đá, rải gốm, thổ táng người xấu số kiểu bó gói, các cụm mộ nổi táng trẻ sơ sinh mang tùy táng phẩm có yếm cả răng heo non .v.v... Rất đáng ghi nhận các vết tích trang sức và gốm cổ liên quan đến Phức hệ Sa Huỳnh của nhiều nghĩa trang đồi núi “đất võ” Bình Định xưa có trống đồng Heger I chứa di hài thủ lĩnh địa phương ở Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp, Gò Thị (Vĩnh Thạnh), Bình Tân (Tây Sơn), Cát Tài (Phù Cát), Kim Châu (An Nhơn)³ (H1-2).

1.3. Sa Huỳnh Nam

Đây là miền văn hóa Sa Huỳnh được nhận biết từ 29 di tích = 20,6% (với 26 điểm đất liền và 3 điểm hải đảo); với những di chỉ còn đất – gò cát và cồn đặc trưng bởi “sò điệp” (Kjokkenmodding) của các cộng đồng cư dân làm nông-chài-thương ven biển và đảo gần bờ cực Nam Trung Bộ. Ở thời điểm sớm, người xưa tụ cư các cửa sông – vịnh bể, làm nông và săn thú rừng, bắt cá và hái mã, cùng động vật thân mềm (Cồn Đình, Bền Đò Dưới, Gò Ốc, Khe Ông Dầu, Suối Mây, Gò Cây Thị, Gò Đình, Mỹ Tường, Hòn Đò .v.v...). Những công cụ đá ghè đẽo hay mài lưỡi “mang dấu ấn kỹ nghệ Hòa Bình – Bắc Sơn” ở Xóm Cồn, Gò Ốc, Khe Ông Dầu, Bàu Hòe (8 tiêu bản), bên cạnh bộ sưu tập đá quen thuộc (cuộc và rìu bôn “lưỡi mèo” – “răng trâu”, rìu tứ giác áp đảo rìu có vai: 100/4 .v.v...). Đồ kim loại ít thấy nhất Phức hệ, với 54 di vật sắt (6%) chủ yếu ở Hòa Diêm (48 tiêu bản) và 27 đồ đồng chỉ thấy ở mộ Bàu Hòe, với dấu ấn Đông Sơn (rìu xéo, mũi tên 3 lá, lục lạc) nhưng giáo dày thô, dao hái và rìu lưỡi

trùng Parabol cùng qua (Ko-halberd) rất giống Dốc Chùa và Long Giao (Đồng Nai) có thể là “sản phẩm đích thực” của thợ đúc Nam Bộ chuyển giao đến cương vực Nam của Phức hệ Sa Huỳnh⁴, dấu rằng ở đây người ta cũng tìm thấy 1 mảnh khuôn đúc nhỏ. Ở các đảo gần như Bích Đàm, Bình Hưng, Bình Ba, người xưa cư trú trên động cát phù sa biển, chẻ tác đá, làm gốm và dường như còn biết cả luyện kim màu. Các dấu tích văn hóa cổ ghi nhận liên hệ đa chiều ở mọi thời điểm lịch sử, ví như gốm tô màu bằng nhựa thực vật với truyền thống Bàu Tró – Sa Huỳnh, chày đập vải vỏ cây kiêu Tây Nguyên, con lặn kiểu Hoa Lộc (Thanh Hóa) và Banchiang (Đông Bắc Thái Lan), qua (Ko-halberd) “kiểu Hoa Hạ” và giáo, rìu, dao hái đồng có kiểu Đồng Nai lại có cả kiểu Đông Sơn, công cụ và dụng cụ nhuộm thê giống với các văn hóa hải đảo ở Dyong (Palawan – Philippines) .v.v... Vào thời Sơ Sắt, truyền thống táng thức “kiểu Sa Huỳnh” được nhận diện rất rõ ở Bàu Hòe, Động Láng, Động Xara, Mũi Nè, Mỹ Ngọc, Phú Trường, Ma Lâm .v.v... Những kiểu mai táng độc đáo vùng này nhận thức qua các hố đào Mỹ Tường (vò có nắp hay vò úp nhau chôn trẻ kèm xương thú và 800 vỏ ốc tiền (cypreas) hoặc Hòa Diêm (các mộ đất hay vò chôn 1-3 cá thể người, với nhiều hình thức táng như hung táng, cải táng, hỏa táng và chôn tượng trưng), cùng vòng tay bằng đồng (8 tiêu bản), đá (9) và nhuộm thê (21) ở Xóm Cồn, Bàu Hòe, Bích Đàm, Bình Ba; bên khuyên tai sắt ở Bền Đò Dưới, móc đeo đồng Gò Ốc, sưu tập 23 chuỗi vàng hình thoi-dấu phẩy ở Hòa Diêm .v.v... Ở đây cũng gặp dạng “mộ trống” chôn thủ lĩnh vùng giống Bình Định như trống kiểu Đông Sơn đào ở Gò Dưa (Phú Yên) hay chính trong nội đô Nha Trang (có chứa nhuộm thê, xương thú, công cụ – vũ khí sắt, nồi vò, gốm tô màu đen phong cách Sa Huỳnh, các viên gốm dẹt giống biểu tượng Hindu giáo Linga-Yoni (?) và cả trụ đồng đầu chim

³ Phạm Đức Mạnh (2009). Sa Huỳnh, văn hóa – phức hệ và diện mạo “thống nhất trong đa dạng”, *KCH*, số 5, tr.27-66. Phạm Thị Ninh, Đoàn Ngọc Khôi (1999). Xóm Ốc di tích văn hóa Sa Huỳnh ở đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), *KCH*, số 2, tr.14-39.

⁴ Phạm Đức Mạnh (1987). Cụm di tích Thuận Hải trong hệ thống Sa Huỳnh, *KCH*, số 2, tr.36-47. (2009). Sa Huỳnh, văn hóa – phức hệ và diện mạo “thống nhất trong đa dạng”, *KCH*, số 5, tr.27-66.

biểu trưng cho “quyền trọng” – “nghị trọng” của quý tộc thời Sơ Sắt) .v.v... Các đặc trưng chung toàn Phức hệ và đặc điểm riêng của mỗi “miền văn hóa” Sa Huỳnh có thể nhận biết chi tiết hơn qua các hệ thống minh họa và “định lượng” di tích – di vật đặc trưng nhất mà tác giả – do nhu cầu giảng dạy từ nhiều năm nay về văn hóa Sa Huỳnh ở Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG-HCM, đã xây dựng và dựa vào mọi nguồn thông tin có thể tìm được để cập nhật.

2. Đôi điều cảm ngộ và thảo luận

2.1. Cội nguồn & bản sắc phổ hệ Sa Huỳnh

Sẽ rất ít ai trong chúng ta phủ nhận về một thực thể Sa Huỳnh sơ kỳ Thời đại Sắt – cái gọi là “Văn hóa Sa Huỳnh cổ điển” ở nửa sau Thiên kỷ I BC mang những đặc trưng độc đáo với các vùng – miền văn minh cùng thời bao quanh nó, dẫu gần – như Văn hóa Đông Sơn phía Bắc hay văn hóa Suối Chồn phía Nam và văn hóa Sơ Sắt Tây Nguyên, dẫu xa trong đất liền – Mlu Prey (Campuchia), các di tích chứa “mộ chum vò” cùng kiểu và khác kiểu ở Ban Chiang, Ban Nadi (Thái Lan), Hua Phan và Xiêng Khoảng (Lào), Niah – Sarawak (Mã Lai) và thế giới “ngàn đảo” Đông Nam Á v.v.⁵. Thực thể Sơ Sắt Sa Huỳnh có nguồn cội bản địa hiển thị ngày càng rõ dần lên qua từng “lát cắt lịch sử” ở mỗi phân vùng cơ bản là một thành tựu nhận thức xuất sắc của nền Khảo cổ học nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam tính từ sau 30/4/1975 đến nay. Ngon nguồn Sa Huỳnh mà GS Hà Văn Tấn là người đầu tiên gọi lên và mệnh danh là “đa tuyến” với nhiều ngã đường “Tiền Sa Huỳnh” và “Sơ Sa Huỳnh” đến đỉnh cao gọi là “Khối kết tinh Sa Huỳnh” có “Mô thức – diện mạo văn hóa” hay “Hình nổi văn hóa” (Stereotype) khác về chất với xung quanh và chủ nhân ông đích thực của nó có nhiều niềm tin là “tổ tiên trực tiếp của những cư dân đã xây dựng các

quốc gia Champa” mà rất có thể là “Quốc gia Chăm mà Khu Liên đã lập nên” là “sự tái sinh” của một cơ cấu Nhà nước vốn đã hình thành chính “trong lòng văn hóa Sa Huỳnh”⁶; theo riêng tôi, là những ý tưởng rất lớn, có giá trị “định hướng” kiếm tìm và suy ngẫm dài lâu từng đã hiển thị trong nhiều công trình tổng hợp – chuyên khảo – luận án Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành về Sa Huỳnh đến hôm nay. Nhưng để minh định sự “liền mạch” của dòng chảy văn hóa “Tiền Sa Huỳnh” và “Sơ Sa Huỳnh” vào “Sa Huỳnh cổ điển” đâu phải dễ. Trước hết vì “nền cảnh Sinh thái” (Ecological Context) chủ đạo của Sa Huỳnh đặc thù vì cả dải cồn cát đồng bằng duyên hải hẹp, chân mạch Trường Sơn Nam nhiều nơi ra sát biển, các dòng sông đổ từ núi đồi cao nguyên xuống ngắn và dốc, các bầu đầm nước ngọt là “cửa hiểm”, cuồng phong và bão bề Thái Bình Dương thường niên thử thách mãnh liệt đời sống con người tính từ thời Đá cũ (sưu tập rìu tay, công cụ hình rìu, mũi nhọn hình tam diện ở Gò Trá – Quảng Ngãi, công cụ “kiểu Sơn Vi” ở chân Đồi Báo Quốc – Huế) và Đá Mới (sưu tập 807 công cụ hình đĩa, bầu dục, hạnh nhân, tạo lưới theo rìa dọc nguyên hay ½ và ¼ viên cuội, rìu ngắn, mũi nhọn, tách-tước .v.v... ở Eo Bồng – Phú Yên), qua Tiền-Sơ Sa Huỳnh – Sa Huỳnh – Champa đến tận hôm nay. Các đặc điểm “Không gian sinh thái” Sa Huỳnh ấy không thể thấy ở Bắc Bộ, Nam Bộ, Tây Nguyên, Biển Hồ hay cao nguyên Khô Rạt... mà gần gũi nhất là miền đồng bằng duyên hẹp Bắc và Trung Trung Bộ mà tôi vẫn nghĩ “tuyến gốc” chủ đạo của cả Phức hệ Sa Huỳnh khởi phát chính ở đây và “nam tiến” suốt dải thiên lý Hạ Long – Hoa Lộc – Đa Bút – Rú Trăn – Phôi Phôi – Cồn Nền – Bàu Tró theo cách mà cố GS Trần Quốc Vượng từng diễn tả “Một đèo, một đèo lại một đèo” từ Hải Vân vào phía nam qua Cù Mông, Đèo Cả mật tập nơi các cửa Eo, Cửa Hàn, Cửa Đại, Nước mặn Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Lũng Rô, Nha Trang đến mũi

⁵ Bellwood, P. (1985). *Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago*, New York. Higham, C. (1996). *The Bronze Age of Southeast Asia*, Cambridge University Press. (2004). *Vietnamese Archaeology viewed from Outside*, MTKKCHVN, I, tr.531-533. Phạm Đức Mạnh (2009). Sa Huỳnh, văn hóa – phức hệ và diện mạo “thống nhất trong đa dạng”, KCH, số 5, tr.27-66.

⁶ Hà Văn Tấn (1983). Suy nghĩ về Sa Huỳnh và từ Sa Huỳnh, VBTLNVN TBKH, số 1, tr.45. (1997). *Theo dấu văn hóa cổ*, Hà Nội, tr.734.

Kê Gà (Bình Thuận), kiến tạo xã hội, kinh tế – văn hóa theo “cấu trúc miền Trung” Núi – Biển – Sông – Đèo trong “Tam giác văn hóa” thời kỳ Tiền Nhà nước ở Việt Nam (H3)⁷. Dĩ nhiên còn nhiều con đường khác mà đáng kể nhất là từ Tây Nguyên xuống, từ Đồng Nai ra, cũng có thể còn nhưng thứ yếu là từ các “cư dân ở biển” – từ các đảo xa bờ (Côn Đảo, Thổ Chu) đến và ngược lại – trong mối ràng buộc tương hỗ chủ yếu để đổi trao “đặc sản” thể mạnh của mỗi vùng – miền văn hóa ở từng thời đoạn – những “nấc – mức” (niveaux) của trường kỳ lịch sử Tiền Sa Huỳnh – Sơ-Nguyên Sa Huỳnh – Mô thức Sơ Sắt của Sa Huỳnh và cả Hậu Sa Huỳnh-Tiền Chăm ở những thế kỷ đầu Công lịch. Và các dẫn liệu mới ở Tây Nguyên và đảo xa Việt Nam hé mở nhiều điều về “Không gian văn hóa” có táng thức mộ chum mà TS Ngô Thế Phong nhận diện chính xác “chôn đứng thẳng kiểu Sa Huỳnh” (Veritcal Standing Jarburial) “tồn tại độc lập ở Đông Nam Á và Ấn Độ”⁸.

2.2. Những dấu tích cùng kiểu mộ chum – vò viền quanh “không gian phẳng” của Sa Huỳnh

2.2.1. Miền Bắc Trung Bộ: vùng đệm Bắc Sa Huỳnh – Nam Đông Sơn

Trong các văn hóa Tiền Đông Sơn và Đông Sơn, mộ chum vò được ghi nhận rất hiếm ở Bắc Bộ – Gò De, Làng Cả (Việt Trì), Phú Lương, Dương Xá (Hà Nội), Núi Hổ (Hà Nam), nhưng nhiều hơn ở Bắc Trung Bộ – Đồng Ngâm, Hoảng Lý, Quỳ Chử, Làng Vạc, Đồng Mỗ, Thạch Lâm, Đền Đồi, Cồn Nền v.v.⁹. Gần như toàn bộ di chứng này là kiểu “Mộ vò úp nhau” với 2-3 nôi úp khít miệng nhau và chôn nằm ngang, có khi người xưa đập vỡ 2 vò khác để lót đáy 2 vò quan tài. Kiểu mộ vò này thường chỉ dùng chôn trẻ lần đầu (4/8 mộ vò Quỳ Chử mà TS Nguyễn Việt và tôi khai quật 1978 là

các mộ vò đầu tiên ở Việt Nam tìm thấy còn nguyên các bộ xương trẻ em cùng đồ tùy táng phong phú như riu, giáo, lao, mảnh công cụ và mảnh thạp và nhiều vòng trang sức đồng). Lối chôn này khác căn bản với Sa Huỳnh – táng thức chôn chum-vò theo chiều thẳng đứng (mà thân phận trẻ Đông Sơn chôn trong vò cũng khác: thường thấy “con nhà giàu”, với nhiều đồ quý, có mộ Quỳ Chử chôn theo trẻ tới 32 công cụ-vũ khí, trang sức đồng thau; rất khác trẻ Sa Huỳnh với đồ tùy táng “bình dân” hơn chôn trong vò hay nôi đứng ở đất liền Mỹ Tường (800 vò ốc Tiền (Cypreas) hoặc 2 nôi, xương thú, mai rùa, vò nhuyễn thể), Hòa Diêm (3 tô, 1 vòng gốm, 1 mảnh quặng hay 3 bình, 1 nôi minh khí, 1 riu đồng), hay ngoài đảo Lý Sơn (Xóm Ốc và Suối Chình, với đồ tùy táng như trang sức và răng heo sữa, hoặc 2 nôi gốm, hay để gốm cùng 1 dao găm sắt)¹⁰.

Ngoài các di tích Tiền Đông Sơn - Đông Sơn chứa cổ vật “đặc sản” Sa Huỳnh như Xuân An – Hà Tĩnh (khuyên tai đá ngọc 3 mẫu và hình 2 đầu thú), Ba Đồn và Cồn Nền – Quảng Bình (cuộc đóc hẹp vai xuôi, bôn răng trâu, khuyên tai gốm hình con đĩa, vòng tay, mặt nhẫn và chuỗi ống đá ngọc giống Bầu Trám, bình-nôi gầy vai và đáy, cốc đế cao tô màu đỏ – ánh chì, gốm in thừng biến thể và mép vò sò...), những di tích có mộ chum-vò chôn đứng cùng kiểu Sa Huỳnh từng được M.Colani công bố ở Cổ Giang và Khương Hà – Quảng Bình (3 mộ chum chứa 2 khuyên tai thủy tinh xanh có 3 mẫu); về sau trong đợt khai quật Việt - Nhật 1990-1991 còn được thấy khá rõ trong nghĩa trang 41 mộ đất và 5 mộ vò ở Làng Vạc, với mộ số 13B có nắp đáy chôn theo “chiều thẳng đứng” (Vertically standing), trong chứa bông tai đá, 2 chuông đồng và dọi se sợi gốm, ngoài còn chất thêm 3 nôi trên ngay trên nắp. Gần đây nhất vào đầu 2009, ngoài tượng hổ nằm bằng đồng “đặt trong bình gốm có nắp đáy” ở Bãi Cọi –

⁷ Trần Quốc Vượng (1996). Mô hình Địa – văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á. (2004). Tổng luận về văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, *VHSHOHA-KYHTKH*, tr.42-50.

⁸ Ngô Thế Phong (1997). Văn hóa Sa Huỳnh trong khung cảnh Đông Nam Á, *KCH*, số 4, tr.45-57.

⁹ Phạm Đức Mạnh, Trịnh Sinh, Nguyễn Việt (1978). Mộ vò Quỳ Chử, *NPHMVKCH*, tr.180-181.

¹⁰ Nguyễn Lân Cường (1998). Di cốt người cổ thuộc văn hóa Sa Huỳnh ở Bình Yên, Quảng Nam, *NPHMVKCH*, tr.69. (1999). Nghiên cứu di cốt người cổ ở địa điểm Xóm Cồn, *KCH*, số 2, tr.3. (2000). Nghiên cứu di cốt người cổ ở Hòa Diêm, Khánh Hòa, *KCH*, số 2, tr.125. (2007). Về di cốt trẻ em tìm thấy trong mộ nôi ở Suối Chình (Quảng Ngãi), *NPHMVKCH*, tr.171.

Phôi Phôi (Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh), trong hố đào 120m² các nhà khảo cổ còn đào được gốm kiểu bát bông và trang sức (có cả khuyên 3 mẫu) và đoán định “Hà Tĩnh có sự giao thoa mật thiết giữa 2 nền văn hóa cổ Đông Sơn và Sa Huỳnh cách nay khoảng 2000 năm”. Sự hiện diện của chúng minh định về một “không gian giao thoa – hỗn dung văn hóa” giữa hai nền văn minh Sơ sử lớn “nằm cạnh nhau” chứ không phải chỉ một chiều “Nam tiến” như có người đã nghĩ¹¹. Cũng cần lưu ý ở cương vực này còn thấy các dấu tích khả dĩ là cải táng kiểu “Mộ trống đồng” ở Quảng Thắng (chứa mảnh sọ, răng người, cùng 1 rìu xéo, 1 đoạn giáo minh khí, 5 đồng tiền Ngũ Thủ) và ở Nga Sơn (Thanh Hóa) (chứa sọ có 2 đồng tiền Ngũ Thủ đập hốc mắt) – lối chôn Việt cổ–Đông Sơn được người Sa Huỳnh ở Bình Định, Khánh Hòa (và cả người Nam Bộ ở Phú Chánh – Bình Dương hay ở đảo Hòn Rải – Kiên Giang) “học lại”¹².

2.2.2. Miền Đông Nam Bộ: vùng đệm Nam Sa Huỳnh – Đồng Nai

Ngoài các “Cánh đồng chum mới” như Dầu Giây, Phú Hòa, Hàng Gòn 9 ở Long Khánh – Xuân Lộc (Đồng Nai), những khám phá mộ chum mới sau 1975 ghi nhận ở cả miền Đông như Gò Ô Chùa (Long An), Suối Chồn (Đồng Nai), Giồng Phệt và Giồng Cá Vồ (Cần Giẻ – Tp. HCM), lẫn miền Tây như Linh Sơn Nam (Ba Thê – An Giang), Tháp Mười (Đồng Tháp).

Ở Gò Ô Chùa, qua 4 lần khai quật, các nhà khảo cổ phát giác bên 62 mộ đất (57 mộ được xác định là “hung táng”), còn có 7 mộ vò chôn trẻ em, với lượng tùy táng là công cụ lao động – vũ khí chiến

đấu – đồ dùng thủ công, đồ trang sức và tín ngưỡng rất phong phú, gồm: 34 đồ đá (1 rìu, 1 đục, 32 bàn mài); 27 đồ đồng (3 rìu, 1 dụng cụ, 3 chuông, 20 mảnh); 55 đồ sắt (3 đục, 17 mũi tên, 11 lao, 5 dao găm, 3 đồ dùng, 16 mảnh); 140 đồ xương sừng (3 mũi tên, 1 kim, 133 mũi nhọn, 3 cán công cụ); đồ gốm và đất nung có: 220 dọi se chỉ, 302 bi, 152 bàn xoa gốm, 784 gốm ghè tròn, 10 khuôn đúc đất nung, 227.539 mảnh gốm, 112.369 mảnh chạc, 769 mảnh gạch; với sưu tập trang sức gồm: 31 vòng đeo tay (5 đá, 5 đồng, 10 thủy tinh, 11 xương sừng), 32 hạt chuỗi (19 đá, 2 mã não, 2 gốm, 8 thủy tinh, 1 xương); 1 mảnh tượng thú bằng thủy tinh cùng 9 bùa đeo bằng xương sừng (2) và răng hổ (7). Quần thể mộ tam gò Ô Chùa được coi là “mộ táng văn hóa Óc Eo thuộc loại hình Vàm Cỏ”, với nhiều hệ thống niên đại C14 phân tích từ than-gỗ: 2781 ± 56; 2692 ± 67; 2578 ± 45; 2576 ± 41; 561 ± 50; 2538 ± 45; 2535 ± 45; 2510 ± 47; 2495 ± 53; 2435 ± 42; 2420 ± 70; 2357 ± 47; 1900 ± 60; 1860 ± 60 BP; C14 phân tích từ răng: 2211 ± 67 BP; và xương: 2610 ± 53; 2241 ± 102; 2048 ± 65; 1900 ± 150; 1598 ± 40; 1284 ± 63; 1240 ± 56; 1197 ± 44; 1167 ± 57; 1073 ± 66; 986 ± 61; 900 ± 56; 826 ± 65; 458 ± 80; 37 ± 50 BP, cùng khung niên biểu đoán từ thế kỷ 4-3 BC – 1-2 AD hoặc rải ra 2 giai đoạn: cư trú sớm từ thế kỷ 9-8 BC – thế kỷ 2-3 AD và muộn (thế kỷ 3-4 – 12-13 AD). Ở Suối Chồn, các nhà khảo cổ thám sát – khai quật nhiều lần từ 1976-1996, thu thập nhiều di vật đặc trưng của Phức hệ Đồng Nai trong địa tầng cư trú (dày 0,3-1,4m) và trong cả 8 mộ chum hình cầu và 1 mộ vò nhỏ, với 110 đồ đá (72 cuốc-rìu tứ giác-tam giác và 9 có vai, 7 đục, 4 dao hái, 6 bàn mài bằng-rãnh, 1 bàn mài tròn, 1 bùa đeo có lỗ giống Đồi Mít và Phú Hòa, 10 khuôn đúc rìu, giáo); 4 rìu đồng; 8 đồ sắt (5 kiếm, 2 rìu, 1 liềm), đồ gốm (14 dọi chỉ, 2 bi, 2 quả cân giống Dốc Chùa và Phú Hòa, cùng hàng ngàn mảnh gốm vỡ) và nhiều trang sức đá quý-mã não (13 vòng tay, 6 khuyên tai 3 mẫu, các hạt chuỗi) và bằng thủy tinh (1 vòng tay, 3 khuyên tai 3 mẫu). Phức thể di tích này gồm thâu cả di chỉ cư trú và mộ táng thời

¹¹ Lâm Mỹ Dung (2004), Sdd, tr.74.

¹² Diệp Đình Hoa (2004). Cuộc di cư lớn của cư dân văn hóa Đông Sơn vào vùng cao nguyên của các tỉnh Nam Trung Bộ, KCH, số 3, tr.99-108. Phạm Đức Mạnh (2000). Những mộ “chum gỗ - trống đồng” lần đầu tiên khám phá ở Việt Nam, Kiến thức ngày nay, số 342, tr.81-84. Phạm Đức Mạnh, Bùi Chí Hoàng (1984). Cúm di tích mộ vò ở miền Đông Nam Bộ, Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở Đồng bằng Cửu Long, Long Xuyên, tr.122-135. Yamagata Mariko, Phạm Đức Mạnh (2001). Western Han Bronze Mirrors recently discovered in Central and Southern Vietnam, Indo-Pacific Prehistory: The Malaka Papers, pp.99-106.

hậu kỳ Đồng – Sơ kỳ Sắt, tuy nhiên, từ Suối Chồn đi chỉ đến mộ táng “trong cùng một kết cấu địa tầng” mà chính ở quả đồi ven bờ Suối Háp – Suối Chồn này, vết tích của những ngôi mộ đất truyền thống với tùy táng phẩm rìu đồng “kiểu Dốc Chùa” vẫn còn tồn tại, trong chiều hướng xuất hiện và lẫn át của lối chôn người trong mộ chum vò “kiểu Sa Huỳnh” như từng thấy ở các “Cánh đồng chum” Phú Hòa, Dầu Giây, Hàng Gòn 9 lăng giềng và các loại hình chất liệu trang sức “tân kỳ” khác bằng đá quý-mã não, thủy tinh màu “giống như là những sắc tố văn hóa khác thường gia nhập vào và cấu thành bản sắc văn hóa Sơ sử Đồng Nai thời Sơ Sắt”¹³.

Ở Giồng Lớn – Long Sơn, ngoài 72 mộ đất còn có 8 mộ nổi vai xuôi hay gầy, bụng tròn được cất vánh miệng làm quan tài, dùng nổi nhỏ hay chậu đập lại, có nắp trang trí hình chim kèm đồ tùy táng bằng đá, thủy tinh, gốm và đồ sắt hay quý kim khá giống nhau trong 2 loại hình mộ, với 2347 tiêu bản gồm: 18 cuội bầu dục có thể dùng “đánh dấu mộ”; 240 gốm nguyên và vài ngàn mảnh (107 nổi vai gầy và vai xuôi, 70 bát hay đĩa bông, 36 bình (vai gầy, có chân và có vôi hay có đáy hình trứng “dạng Giồng Phệt”, 3 vò, 4 nắp, 2 gốm con tiện); 22 đồ sắt (1 kiếm, 1 giáo, 9 đục, 11 dao thân thẳng hay hình chữ S); 1 lục lạc đồng và 1 đồng tiền Ngũ Thù Tây Hán (206 BC – 25 AD); đồ trang sức có 2034 tiêu bản gồm: 17 vòng đeo tay (14 bằng nephrite, 1 mã não, 2 thủy tinh), 2008 hạt chuỗi (117 hạt tròn bằng gốm, 74 hạt hồng ngọc-thạch anh-mã não, 1637 hạt chuỗi thủy tinh, 178 hạt vàng (9 hình tròn dẹt, 119 thoi, 31 hình con tiện, 19 lục giác), khuyên tai (4 vàng, 1 thủy tinh), đặc biệt ngoài 2 lá và 1 hạt vàng, còn thấy cả 1 Linga gia công từ sợi vàng tròn và 3 mặt nạ vàng có đục 3-4 lỗ góc hay rìa. Tổng thể tồn tích đặc sắc này được coi là “thuộc giai đoạn sớm

của văn hóa Óc Eo” – nằm chung tuyến phát triển nội tại trên cơ sở truyền thống văn hóa Đồng Nai kết hợp với yếu tố bên ngoài qua giao thương để hình thành Óc Eo và quốc gia cổ Nam Bộ: con đường Giồng Cá Vồ – Giồng Lớn (2 niên đại C14: 2760 ± 55 và 2280 ± 70 BP) là quá sớm so với đoán định của các nhà khai quật: thế kỷ 1-2AD¹⁴.

Ở Cần Giờ, 2 nghĩa trang nổi danh mà nhà nhân chủng học quá cố Lê Trung Khả cùng cộng sự khám phá đầu tiên trên giồng đất đỏ sát biển ở Giồng Phệt (30 chum) và Giồng Cá Vồ (8 chum); sau đó được các Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Hà Nội và Tp.HCM khai quật khám phá thêm 27 mộ chum với 9 bộ di cốt người ở Giồng Phệt và 342 mộ chum cùng 16 mộ đất với 283 chum chứa xương người chủ yếu là hung táng “kiểu bó gối” trong chum và kiểu nằm thẳng ở ngoài chum ở Giồng Cá Vồ. Đa phần chum hình cầu, rất ít chum hình trụ (4.4%), với các sưu tập đồ tùy táng phong phú chôn theo: Ở Giồng Phệt có 2 chày cuội, 2 thẻ đá, 1 dao đồng, 1 dao sắt, 2 lao và 1 mảnh sắt, 46 đồ gốm (5 nổi, 1 bình, 2 bát bông, 1 nắp, 2 tượng động vật, 3 gốm hình trụ có ren...), cùng đồ trang sức như: vòng đeo tay (2 đá ngọc, 1 mã não, 5 thủy tinh,), nhẫn (1 đồng, 1 sắt), khuyên tai 3 mẫu (1 thủy tinh) và 2 đầu thú (1 đá), hạt chuỗi (4 đá ngọc, 35 mã não, 12 thủy tinh, 3 xương-nhuyễn thể, 5 vàng) và bùa đeo (1 răng nanh) .v.v... Ở Giồng Cá Vồ có: 238 đá cuội, đồng (2 rìu, 1 giáo, 1 kim), sắt (10 giáo lao, 2 kiếm, 13 dao, 2 rìu, 4 đục, 16 lưỡi câu, 37 mảnh), 4477 đồ gốm (47 nổi, 36 bình, 16 “bình Sa Huỳnh”, 26 bát bông, 8 chậu, 24 nắp, 4 mô hình tháp, 13 cà ràng minh khí, 2 quả dọi, 26 tượng động vật, 170 núm vung, 82 gốm hình trụ-con tiện, 99 mảnh khay, 375 mảnh cà ràng, 16 vôi quai, 38 bì và gốm mài...), cùng đồ trang sức như: 1 nguyên liệu, vòng đeo tay (28 đá ngọc, 3 mã não, 20 đồng, 284 thủy tinh, 114 xương-nhuyễn thể), khuyên tai hình khối (2 thủy tinh), hình tròn (70 gốm), hình thoi

¹³ Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Thị Hậu, Ngô Thế Phong, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Lân Cường (1998). *Khảo cổ học Tiền sử và sơ sử Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ. Phạm Đức Mạnh (1985), Sdd, tr.31-46. Phạm Đức Mạnh, Yamagata Mariko (2004). Những nghĩa địa Sa Huỳnh (Nam Trung Bộ) và Đồng Nai (Đồng Nam Bộ) có chứa gương đồng thời Tây Hán, *KCH*, số 2, tr.26-42.

¹⁴ Vũ Quốc Hiền, Trương Đắc Chiến, Lê Văn Chiến (2008). Di tích Giồng Lớn (Bà Rịa-Vũng Tàu) qua hai lần khai quật, *KCH*, số 6, tr.32-35.

(143 gốm), hình hoa thị (1 gốm), vành khăn (13 thủy tinh), 3 mấu (2 đá, 1 thủy tinh, 3 gốm) và 2 đầu thú (18 đá, 8 thủy tinh), hạt chuỗi (608 đá ngọc, 798 mã não, 723 thủy tinh, 634 xương-nhuyễn thể, 61 vàng), nhẫn (1 vàng) và 13 vàng lá, 6 lục lạc đồng, bùa đeo (35 răng), mảnh công cụ (15) và phế liệu trang sức bằng xương-nhuyễn thể (4) .v.v... Có không ít hiện vật giống Sa Huỳnh như khuyên tai 3 mấu và 2 đầu thú, bình, gốm khắc vạch (chữ S, nửa chữ S, tam giác, chữ U, các băng ẩn chìm và ẩn mép sò, trổ lỗ tròn-tam giác...) và gốm tô màu, và có cả gốm đặc trưng Ốc Eo (gốm đen bóng, gốm trắng mịn .v.v...). Ngoài ra, cũng cần nhắc đến các dạng mộ độc đáo Nam Bộ khác mà tôi gọi là kiểu mộ: “Chum gỗ – nắp trống đồng” dành cho thủ lĩnh Nam Bộ thời Sơ Sứ khám phá ở Phú Chánh (Bình Dương), với ít nhất 7 “mộ chum gỗ” và làm “kiểu chum”, theo các cách táng thức như: Mộ “Chum gỗ” gần hình trụ tròn tạo bằng cách khoét rỗng từ thân gỗ sao (Parashorea), có nắp đậy bằng trống đồng HI hoặc đậy kín bằng nồi gốm lớn rồi buộc dây mây; Mộ “Trống đồng” đặt trên bệ gỗ xếp và có vành đai ngoài cắm tròn bằng cọc gỗ kiểu cấu trúc “Mộ cũ”; Mộ có huyết tròn (nện chặt đất xung quanh hoặc ken dày xác cau ở thành mộ và rải đầy lớp thảo mộc băm nhuyễn và phủ mộ với vải thô); Mộ huyết tròn chứa các giỏ tre đan hình chum có đồ tùy táng bên trong v.v.. Ngoài 4 trống đồng HI làm nắp mộ hoặc quan tài, di vật tùy táng phong phú gồm: 4 đá bazan, 5 nồi gốm, 5 cốc chân cao, 1 bát gốm để cao, hàng ngàn mảnh gốm, 1 riu đồng lưỡi trũng parabol “kiểu Dốc Chùa”, gương đồng Tây Hán “Tứ ly tứ nhũ”, 1 “bùa” đồng hình bầu dục trổ thủng giữa và hình số 8 có 2 lỗ dùng “che mắt” người chết, 1 mẩu đồng vuông, có cả nhẫn vàng và nhiều đồ gỗ (2 kiếm, 3 thanh có 2 sừng, 17 thanh có nấc, 1 gỗ hình tẩu thuốc, 3 gỗ hình cánh cung-bán nguyệt, 1 gỗ hình thoi, 2 nệm, 2 lược, 17 thanh – đoạn khác), 4 gáo dừa-ngâu mức nước, 2 quả bầu (Gourd), 40 quả cau (Palmaceous, giống areca) đã tước vỏ và gọt bằng đầu, nhiều hạt lúa và rơm rạ lúa, cây băm nhuyễn... cùng nhiều vết vải nâu,

trắng ngà dùng lót đáy các mộ, vết than tro và xương cốt thú .v.v... Tổ hợp độc đáo này có niên biểu giữa thế kỷ 1 BC – thế kỷ 1 AD tương thích với niên biểu trống Đông Sơn và cả gương Tây Hán, với niên đại C14: 2100 ± 150 ; 1910 ± 40 ; 1850 ± 55 ; 1750 ± 70 BP và theo tôi chính là “sự biến chất” thú vị của táng thức “kiểu Sa Huỳnh” (chum gốm) có thể quan trắc trên bùng sinh Phú Chánh (chum gỗ – trống đồng) ở thời điểm tương đương với Sa Huỳnh muộn nhất và ở cao nguyên Xiengkhuang – Laos (chum Cự thạch) và Bali – Indonesia (quan tài đá) muộn hơn về sau (H.5)¹⁵.

Trong số những di tích có táng thức mộ chum (gốm hay gỗ) đã nêu trên, các nghĩa trang chum ở Xuân Lộc – Long Khánh (Đồng Nai) và Cần Giơ (Tp.HCM) được nhiều người coi là thuộc “Phạm trù nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh”, ít ra là “lớp phủ Sa Huỳnh thời sơ Sắt lên trên truyền thống bản địa ở đây”¹⁶. Chúng tôi còn băn khoăn với các nhận định này vì vẫn nghĩ rằng: “mộ chum” hay “khuyên tai 2 đầu thú – 3 mấu” cũng chỉ là các tố chất đơn lẻ mà vì độc đáo nên dễ được tiếp nhận, còn các di vật đồng dạng Sa Huỳnh khác rất quan trọng – như công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu sắt chẳng hạn như thuổng lưỡi hẹp và lưỡi xò tam giác, giáo lao... phát giác ở Tigkin Na Saday hay Ban Don Thaphet v.v.¹⁷, chẳng lẽ ta cứ kéo dài “Không gian văn hóa” của Sa Huỳnh đến những vùng này sao? Thế nên, chúng tôi đồng ý với đề xuất đặt tên “Văn hóa Giồng Phệt” hay “Văn hóa Cần Giơ” cho nhóm di tích độc đáo này, nhưng các kết quả giám định niên đại bằng phương pháp C14 (Giồng Cá Vồ: 2480 ± 50 BP) lẫn phương pháp nhiệt phát quang (Giồng Cá Vồ: 2500 ± 500 BP; Giồng Phệt: 2420 ± 484 và 2100 ± 50 BP) cho tuổi là quá sớm. Mà theo tôi, qua nhìn nhận về gốm nhỏ và gốm mảnh, sự khuyết vắng gần như toàn bộ công cụ đá đặc trưng Nam Bộ, sự phổ cập sắt và xuất hiện đồ vàng nguồn

¹⁵ Phạm Đức Mạnh (2005). Trống đồng kiểu Đông Sơn (Heger I) ở miền Nam Việt Nam, Nxb. ĐHQG-HCM

¹⁶ Chữ Văn Tấn (2004), Sdd, tr.727. Hà Văn Tấn (1997), Sdd, tr.734.

¹⁷ Ngô Thế Phong (1997), Sdd, tr.45-57.

Ấn, có thể nghĩ chúng hẳn phải muộn hơn “Cụm di tích mộ vò” Xuân Lộc – Long Khánh với khung tuổi hợp lý của chúng là khởi đầu Công lịch 1-2 thế kỷ mà ngay từ 1983, Th.S Võ Sĩ Khải và Đỗ Đình Truật từng giả định là “một dạng địa phương của văn hóa Óc Eo” – một dạng “Óc Eo của miền Đông Nam Bộ” và sau này, TS Vũ Quốc Hiền và cộng sự gọi “Giồng Cá Vồ – Giồng Lớn chính là một con đường – một loại hình của văn hóa Óc Eo vùng ven biển Đông Nam Bộ”¹⁸. Cũng cần nhớ là “mộ chum” chôn đứng từng có trong văn hóa Óc Eo ở miền “thánh sơn” của nó. Năm 1998, các nhà khảo cổ Việt – Pháp đã khai quật được chính trong lòng kiến trúc đền tháp Hindu giáo Linh Sơn Nam (Ba Thê – Thoại Sơn, An Giang) 1 mộ chum bằng gốm thô cao 40cm, đường kính 67cm có đáy khớp bằng 1 nôi gốm lật úp, trong chum ngoài đất cát còn chứa các mảnh vụn than xương, 1 hạt chuỗi mã não, 5 chuỗi vàng dát mỏng (hạt lớn nhất dài 6mm), ngoài có 1 bình gốm đặt ngang vai chum, niên đại xác định thời văn hóa Óc Eo, đại diện cho “giai đoạn mộ chum” hỏa táng ở đây vào khoảng thế kỷ 5-7 AD. Những táng thức cùng kiểu còn được tìm thấy ở Tháp Mười (Đồng Tháp) với các nôi, vò, bình chứa tro hỏa táng hoặc khoét huyệt tròn giống hình nôi miệng khum hông nở đáy tròn dưới nền sinh thổ để hỏa táng trẻ em ở Nhơn Thành (Hậu Giang) và muộn hơn cả ngàn năm về sau là “Cánh đồng ngàn lu gốm” ở Năm Căn – Cà Mau cải táng nguyên nhân cốt được cổ PGS Nguyễn Quang Quyền định chúng là người Indonesien gần với người Thượng Ê-đê và Banar¹⁹.

2.2.3. Miền cao nguyên Tây Nguyên: vùng đệm Sa Huỳnh và Tây Nguyên

Khảo cổ học Tiền sử – Sơ sử Tây Nguyên cung ứng nhiều dẫn liệu thú vị về các nền văn hóa Núi – Cao nguyên đặc sắc với Biển Hồ – Gia Lai (33 di tích), Buôn Triết – Dak Lak (20 di tích) và Lung

Leng – Kontum (47 di tích) mà ở đó, những quần thể có mộ vò chôn đơn hay úp nhau nhưng phối trí theo chiều thẳng đứng ở Buôn Triết (1-2 chum) – Dak Lak, Dak R’Lấp – Dak Nông, Taiper – Chư Sê, Ia-Puch (1 chum hình cầu chứa 4 bồn đá), Thôn Bẫy, Bàu Cạn (1 chum hình cầu chứa 2 riu bồn đá) – Chư Prông, Biển Hồ, Trà Dôm (3 mộ vò úp nhau chứa bát bông trở thùng lồng) – Pleiku được định khung tuổi từ sớm (hậu kỳ Đá mới – sơ kỳ Kim khí khoảng 3500-3000 BP) đến muộn – niên biểu 2100 BC – 100 AD²⁰. Đặc biệt ở nghĩa trang Lung Leng, ngoài 24 mộ huyệt đất-kè gốm, có tới 185 mộ, với 79 chum, 74 vò, 32 vò úp miệng nhau (117 hình cầu, 45 hình trứng, 12 hình $\frac{1}{2}$ trứng), có nắp hay không, bôi thổ hoàng mặt trong, chứa 9 dao sắt, 322 công cụ đá (có tới 61 riu bồn “răng trâu”), 320 đồ đựng và dụng cụ gốm (nôi vò, bình, lọ, đĩa, tô, cốc, bát bông, hòn kê, gốm ghè tròn) cùng nhiều trang sức bằng đá (khuyên tai, hạt chuỗi), bằng gốm (chuối) và 981 hạt thủy tinh màu, cùng ít xương và vết than tro v.v.. Ở đây còn ghi nhận thấy cả kiểu mộ vò úp nhau chôn ngang, có tùy táng riu bồn đá. 17 mẫu giám định C14 cho khung tuổi trải dài từ 3620 ± 115 ; 3510 ± 110 ; 3320 ± 110 ; 3280 ± 80 ; 3210 ± 80 ; 3110 ± 80 BP (2140 – 1320 BC) và 2860 ± 105 – 2310 ± 65 BP (1320 – 430 BC) (giai đoạn sớm) cùng 8 mẫu từ 2150– 1890 BP (380 BC – 130 AD) và 300 ± 90 – 120 ± 70 BP (1400 – 1795 AD) (giai đoạn muộn). Ngoài dao phạng, đinh ba đồng, đồ đá và gốm “của riêng” Tây Nguyên, ở đây còn không ít “phần tử đánh dấu” mỗi giao lưu đa chiều từ sớm đến muộn với các nền văn hóa ở Bắc và Nam Trung Bộ hay Đông Nam Bộ, cũng có riu đồng “kiểu Đông Sơn”, qua đá giống Bến Đò, Cù Lao Rùa (Đồng Nai), bàn đập rãnh giống Tô Hạp, Hòa Diêm (Khánh Hòa), nhất là các sưu tập riu bồn vai xuôi và “răng trâu” hay đồ gốm có văn trở ống rạ, in mép vỏ sò, tô màu thổ hoàng hay đen ánh chì được coi là “dấu ấn Sa Huỳnh” và “Tiền Sa Huỳnh”

¹⁸ Vũ Quốc Hiền, Trương Đắc Chiến, Lê Văn Chiến (2008), Sdd, tr.32.

¹⁹ Phạm Đức Mạnh (1996). Khảo sát di tích – di vật ở Năm Căn và thị xã Cà Mau, NPHMVKCH, tr.57-59.

²⁰ Bùi Văn Liêm, Võ Quý (2004). Văn hóa Sa Huỳnh ở Tây Nguyên, VHSHOHA-KYHTKH, tr.228-243. Nguyễn Khắc Sừ (2004). Khảo cổ học Tiền sử Dak Lak, Nxb. KHXH, Hà Nội.

ở Tây Nguyên, thậm chí có mối quan hệ với Bàu Tró – Xóm Cồn và với cả “tiền thân Tiên Sa Huỳnh” v.v.²¹.

Dù không tin có một nền “Văn hóa Sa Huỳnh ở Tây Nguyên”, chúng tôi cũng nghĩ có thể có “một dòng chảy văn hóa với đặc trưng mộ chum từ Bắc Tây Nguyên (Lung Leng) tràn xuống vùng đồng bằng duyên hải miền Trung”²² nhưng chớ quên mối liên hệ Biển – Núi này là “tương hỗ” (Reciprocal Relationship) ngay thời kỳ manh nha của Phức hệ Sa Huỳnh, bởi ngay hiện tại cư trú “đốm da báo” của hơn 40 tộc người trên cao nguyên là đan hòa ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo. Chúng ta hãy nhớ lại các truyền cổ mà các linh mục Pháp như Guerlach sưu tầm trong người Bahnars, Kemlin sưu tầm ở người Jarais, Lavallée sưu tầm ở người Kha Nam Lào, Besnard sưu tầm ở người Rhadé đã được H.Maitre giới thiệu và bổ sung trong: “Les Jungles Moi” và do T.Gherber và L.Malleret công bố²³ về cổ tích Rhadé, cùng thừa nhận xưa các tộc người là khối thống nhất, có chuyện nói về di cư, về nạn hồng thủy chưa từng thấy, về những sự kiện xảy ra ở trên các đảo, về đời sống bên bờ đại dương, về một vị anh hùng (hoặc cặp vợ chồng) đã có công xây dựng đất nước. Nhiều tộc người (như tộc Kha Alak, Jarai, Rhadé) cho rằng nguyên nhân di cư là do thiên tai phát sinh từ các hòn đảo ngoài biển khơi. Các truyền thuyết Bahnar và S’Tieng cho rằng tổ tiên của họ cư trú ở bờ biển mà trong cổ tích, bờ biển ấy về phía mặt trời mọc. Theo các truyền thuyết S’Tieng, tổ tiên họ có lần theo hướng dẫn của một vị anh hùng di cư từ miền núi xuống phương Nam – xứ của người Chăm, về một đồng bằng miền biển, rồi phân tán, một đoàn tiên phong không rõ đi đâu, người không chịu đọc sách, nghiên cứu đạo giáo lại trở về núi, kẻ có học thức thì ở lại. Theo người Bahnars, nạn lụt gây nên bởi nước biển

và nước sông dâng lên chứ không phải do những trận mưa lớn. Theo người S’Tieng, đây là nước thủy triều dâng tràn ngập khắp lục địa. Trong quan niệm cổ truyền về vũ trụ Rhadé, đó là nạn hồng thủy kèm theo những trận mưa rào. Các điển tích về biển và về các hòn đảo phổ biến không chỉ trong truyền thuyết mà cả trong các bản câu nguyện và trong tang lễ. Người Rhadé và S’Tieng thường nhắc việc di cư từ biển lên núi, với chiều hướng muốn về xuôi mà theo họ, vẫn đề được giải quyết lúc sinh thời hay sau khi chết qua thuyết tái sinh. Theo tộc Rhadé, quê hương họ ở vùng Dak Lak, khi tổ tiên di cư xảy ra nạn động đất rừng rợn, đất nứt nẻ thành nhiều mảnh nổi lên thành đênh trên mặt biển và họ bắt đầu sống trên hòn đảo, rồi mới chuyển về quê cũ. Các tộc Rhadé và S’Tieng đều cho xưa họ có chữ viết và một cơ cấu văn minh khá độc đáo, đặc biệt về kỹ thuật – những thứ do vị anh hùng dân tộc (hoặc một cặp bán thần) đem lại, rồi vì họ lười không chịu học nên mù chữ và người miền xuôi chiếm mất văn tự của họ .v.v...

Mối liên hệ Biển – Núi “tương hỗ” này càng được tăng cường vào các thời kỳ tạo hình và kết tinh Sa Huỳnh từ Sơ Đồng đến Sơ Sắt, do các mối lợi lâm sản và hải sản là ngang nhau mà cả người miền núi Tây Nguyên lẫn người Sa Huỳnh ven biển cần duy trì và kiến thiết.

2.2.4. Sa Huỳnh và hệ đảo xa bờ phía Nam Việt Nam

Ở các đảo xa bờ, đáng nói nhất là các phát hiện mới ở Bãi Dong trên đảo Thổ Chu (Phú Quốc – Kiên Giang), với 2 mộ chum được coi là “hóa táng” giống “Long Thành, Trùng Xe, Mỹ Tường, Bàu Hòe” có chứa gốm nhỏ (2 nôi và 1 bát chân cao có đục 4 lỗ chữ nhật ở đế). Trong di chỉ cư trú có nhiều đồ đá ghè đẽo và mài nhẵn (có cả bôn răng trâu “kiểu Sa Huỳnh” và mảnh khuôn đúc riu lưỡi trũng Parabol “kiểu Dốc Chùa”), đồ nhuộm thề đa dạng với công cụ riu, mũi nhọn, cả khuôn riu và vòng tay, lõi vòng bằng vỏ ốc tai tượng Tridacna “giống Xóm Cồn”, riêng gốm vỡ lại “giống Giồng Cá Vồ”. Di tích thoát đầu được định tuổi 3500-3000 năm, về

²¹ Nguyễn Khắc Sừ (2004). Sdd. (2007). Khảo cổ học Tiền sử Kontum, Nxb. KHXH, Hà Nội.

²² Bùi Văn Liêm, Võ Quý (2004), Sdd, tr.228-243.

²³ Malleret, L. (1963). *L’Archéologie du Delta du Mékong*, Publication de l’EFEO, Paris, T.IV.

sau hiệu chỉnh tuổi “nửa đầu Thiên kỷ I BC” và coi là “nhóm loại hình di tích đảo xa bờ cực nam văn hóa Sa Huỳnh”²⁴. Ở quần đảo Côn Lôn, các cuộc điều nghiên ở Sở Tiêu, An Hải, Hàng Dương, Hồ Sen, Bến Đầm, Hòn Cau xác thực các địa tầng cư trú mỏng chứa nhiều công cụ và trang sức đá và nhuyễn thể, gốm và chỉ có 1 mảnh khuôn đúc riêu cùng 1 đục đồng. Đáng lưu ý là sưu tập riêu bôn “răng trâu” và nhiều lao ngành bằng xương thú ở Hòn Cau. Khu mộ vò ghi nhận ở Cồn Miếu Bà (3 mộ táng bằng vò có chân đế “giống Lung Leng” và các “cụm mộ vò” chứa công cụ đá mài và ghè đẽo, gốm mảnh và nồi niêu, mâm bồng, bình vai nhọn “kiểu Giồng Cá Vồ và Long Sơn”). Trên cồn Hải Đăng với 107 vò tô thổ hoàng với cổ thắt miệng loe có nắp hay đáy bằng chậu, bát có đế chứa nhiều đồ đá, gốm và hạt cườm bằng vỏ ốc biển được định tuổi như Bãi Dong – “nửa đầu Thiên kỷ I BC”. Toàn bộ 6 địa điểm Côn Đảo được các nhà khai quật coi “thuộc phạm trù văn hóa Sa Huỳnh” trong Thiên kỷ I BC²⁵. Tôi đã trực tiếp khảo sát ở cả đảo Phú Quốc và Côn Đảo, đặc biệt được coi kỹ các mộ vò trong kho bảo tàng còn bó thạch cao ngoài. Nhìn chung, các quan tài nồi vò ở đây về chất liệu rất thô, về trang trí thì dung dị, về hình loại không có liên lạc với Sa Huỳnh đất liền và, cùng với những sưu tập di vật đá – gốm đã biết (tính cả các cổ vật do E.Saurin, L.Malleret và các GS Trần Quốc Vượng, Diệp Đình Hoa thu thập trước đây), chúng làm ta liên tưởng đến mộ vò – nồi đơn giản của Tây Nguyên nhiều hơn. Theo tôi, dấu tích “văn hóa Sa Huỳnh cổ điển” hiện chưa được rõ ở bất cứ đảo xa nào. Các vết tích luyện kim và sản phẩm đồng – sắt đồng đại với Sa Huỳnh cổ điển đã thấy ở Hàng Dương (1 khuôn đá), Hòn Cau (1 khuôn đá, 1 đục đồng), Cồn Miếu Bà (1 mảnh đồng) và cả ở Bãi Dong-Bãi Ngự (4 khuôn đá và nhuyễn thể) không

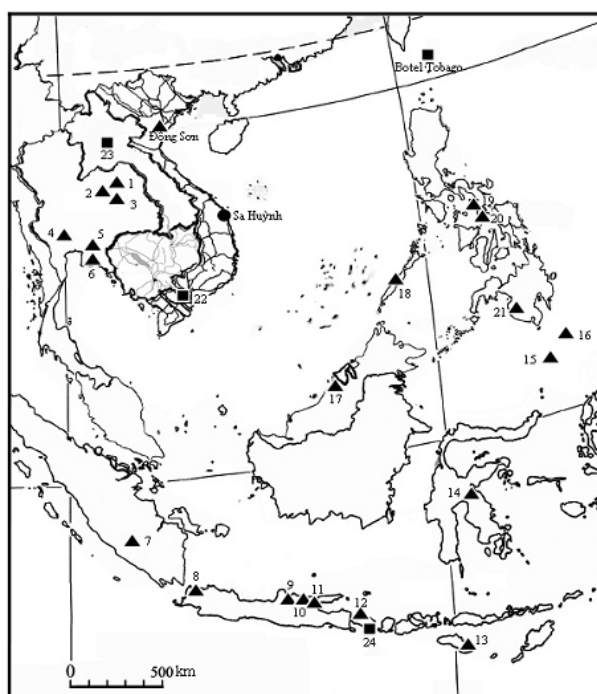
thấy mối liên hệ rõ ràng với mộ vò ở đó; mặt khác, chúng cũng gợi nhớ phát hiện của GS Trần Kim Thạch ở Hòn Rái – Lại Sơn (Kiên Giang) năm 1984 về dạng giống “mộ trống” Heger I chứa xương người, 2 mảnh khuôn đúc và 2 riêu đồng, và đồ sắt vỡ vụn có nhiều gắn bó nhất với luyện kim màu và luyện kim đen Đồng Nai, ngoại trừ 1 lao đồng có ngành “kiểu Mã Lai”.

2.2.5. *Phức hệ Sa Huỳnh trong bình diện rộng hơn*

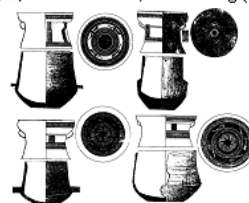
Trong bình diện lớn hơn tầm khu vực hay châu lục, những cộng đồng cư dân đầu tiên chiếm cư “hòa điệu và biến đổi thiên nhiên” cực Nam Trung Bộ (Việt Nam), xây đắp nên Phức hệ Sa Huỳnh cũng chính là những người “hướng biển” và gia nhập vào các luồng giao lưu hàng hải để thông thương, chuyên giao đặc sản – kỹ nghệ – nguyên vật liệu và lan truyền mọi cảm hứng về văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và nghệ thuật ngay từ Hậu kỳ Đá mới – Sơ kỳ Kim khí, với sự có mặt ngày càng nhiều vết tích lao động mang dấu ấn “Hòa Bình” và “Sau Hòa Bình” và càng về sau càng đậm nét nhiều “vật chứng” đến từ nhiều nền văn minh xung quanh nó – từ đất liền và hải đảo Đông Nam Á đến Ấn và Hoa. Chỉ xét riêng bình diện: “Di tích có táng thức chôn người trong chum-vò” như và gần như Sa Huỳnh, chưa cần tính tới các di tích có mộ vò “cùng tư tưởng tín ngưỡng và hoạt động sống” ở Châu lục từ sớm đến muộn (văn hóa Ngưỡng Thiều, văn hóa trung kỳ Jomon, văn hóa Yayoi, bán đảo Triều Tiên thời đại Sắt và Tam Quốc .v.v...) và các “Chum-bể đá” – “Quan tài đá” (Stone Vats; Sarcophagus) ở Bali (Indonesia) hay “Cánh đồng chum Cự thạch” Hua Phan-Xiêng Khoảng (Lào), nhiều chuyên khảo đã vẽ cho chúng ta bản đồ phân bố rất rộng lớn ở Khu vực Đông Nam Á trong đất liền: Ban Chiang – Non Nok Tha, Ban Nadi muộn, các hang Voi Tham Nguang Chang muộn, Ông Bah muộn, các gò Bang, Khok Phlap, Ban Don Thaphet, Kam Luang và Non Yang, Tha Kae, Khok Charoen, Sab Champa (Thái Lan), Tanjong Rawas-Perak và Nyong-Pahang (Mã

²⁴ Đào Quý Cảnh (2008). Khảo cổ học Côn Đảo góc tiếp cận sinh thái nhân văn, *KCH*, số 1, tr.3-17.

²⁵ Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh (2000). Khai quật hai địa điểm Bãi Ngự, Bãi Dong trên đảo Thổ Chu (Phú Quốc, Kiên Giang), *KCH*, số 2, tr.46-73. (2001). Khảo sát và phát hiện mới tại Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), *KCH*, số 3, tr.28-42.



H4. BẢN ĐỒ PHÂN BỐ DI TÍCH CỐ MỘ CHUM
"KIỂU SA HUYNH" (chum gốm) (■) và BIẾN CHẤT (chum gỗ-đá) (▲)
Ở VIỆT NAM & ĐÔNG NAM Á
(■) 1. Ban Chiang; 2. Nonnok Tha; 3. Ban Nadi; 4. Ban Don Thaphet;
5. Khok Phanom Di 6. Nong Nor; 7. Muasadanau; 8. Anjar;
9. Plawangan; 10. Bojonegord; 11. Tuban; 12. Gilimanuk; 13. Melolo;
14. Celebes; 15. Talaud; 16. Leang Buidane; 17. Niah;
18. Tabon (Manungul); 19. Kalanay; 20. Batungan; 21. Maitum
(▲) 22. Phú Chánh; 23. Ban Ang (Laos); 24. Selasih (Bali-Indonesia)



Cảnh đồng Chum Cư thạch
(Plan of Jars at Ban Ang-Laos)

Mộ thủ lĩnh "chum gỗ-nắp trống đồng
Đồng Sơn" Phú Chánh (Nam Bộ-Việt Nam)



Quan tài đá
(Sarcophagus at Selasih-Bali)



Nắp chum gốm hình thuyền
"chỗ linh hồn người chết"
(hang Tabon-Philippines)



Niah-Malaysia Palawan-Philippines



Melolo-Sumba-Indonesia

Lai); ở Niah – Sarawak và “thế giới ngàn đảo” như Anya (Anja), Plawangan, Ngrambe (Java), Tebingtinggi (Sumatra), Gilimanuk, Cekik (Bali), Sa’bang (Sulawesi), Melolo, Anyer, Lesungbatu, Muara Danau, Prdjekan, Banteng-Java, Celebes, Sulu, Salajar, Sumba – Indonesia và quần thể 7 hang ở Kalanay, Makabog, Batungan – Masbate, San Narciso – Tayabas, hang Manungul (Palawan), Maitum-Saranggani (Mindanao), hang Arku (Luzon), ở Samar, Batanes, Tabon, Leang Buidane (quần đảo Talauds), Luzon, Marinduque, Mindanao, Novaliches, Bau (Philippines) v.v.²⁶ (H4).

Có thể táng tục này liên lạc với sự chuyển cư tộc người, hoặc “có liên quan đến cơ cấu cư trú, tập quán chôn vật quý”, là “kết quả biến đổi về tư tưởng thể hiện trong quá trình tái cấu trúc thành

những đơn vị xã hội nhỏ tự trị, quá trình lan tỏa nhanh nhờ mở rộng mạng lưới trao đổi” (Childe, G. 1958; Fokkens, 1997)²⁷. Đương nhiên, quan điểm về sự tán phát “văn hóa mộ chum” hay táng thức kiểu này theo sự di chuyển nhóm cư dân ngữ hệ Nam Đảo²⁸ xem ra còn đơn giản quá, bởi một mặt, “Phương thức mai táng mộ chum tuy phân bố rất rộng song không hoàn toàn giống nhau ở mỗi khu vực và không thể ghép chúng vào một “Văn hóa” hay “Truyền thống” duy nhất”²⁹ và, thứ nữa, chỉ dựa vào mỗi tố chất này hay cả “khuyên tai 2 đầu thú – 3 mẫu” và gốm in mép vỏ sò hay trở lỗ hoặc tô màu v.v. để xây dựng các mô hình dẫn là “khung sườn” (framework) cho sự di động của “khối cư dân to lớn vào bậc nhất Đông Nam Á” – tộc người Nam Đảo – song khác với suy tưởng quá vãng từ đất liền ra hải đảo mà ngược lại – từ các hòn đảo vào đất

²⁶ Bellwood, P. (1985). Sdd. Higham, C. (1998). *Prehistoric Thailand from Early Settlement to Sukhothai*. River books, Bangkok, Thailand. Nitta, E. (2004). Nghiên cứu đối sánh mộ chum ở Đông Nam Á, *VHSHOHA-KYHTKH*, tr.312-325.

²⁷ Lâm Mỹ Dung (2004). Sdd.

²⁸ Bellwood, P. (1985). Sdd. Higham, C. (1998), Sdd.

²⁹ Ngô Thế Phong (1997). Sdd, tr.45-57.

liền, thậm chí vào những “vùng sâu vùng xa” của châu lục và liên châu lục thì bất ổn (như các bản đồ phân rai gồm “kiểu Nam Đảo” mà tôi được nghe P.Bellwood trình bày tại buổi báo cáo kết quả khai quật di chỉ Mán Bạc mới đây ở Viện Khảo cổ học). Tôi cứ nghĩ chúng – táng tục mộ chum vò và nhiều yếu tố kinh tế – kỹ nghệ – văn hóa – tín ngưỡng – nghệ thuật khác đến với Sa Huỳnh đơn giản như “những thành quả của giao lưu” từ nhiều hướng mà đa phần thành quả ấy cũng sẽ được người Sa Huỳnh lĩnh hội rồi biến cải đi cho tương thích với đời sống bản xứ của chính mình – diễn trình các nhà nhân học và văn hóa học vẫn gọi là “hội nhập” (Intergration) và “bản địa hóa” (Autochtonism). Và cần hiểu chúng kết gắn với các truyền thống bản địa mà ở những địa điểm “đặc địa” kiểu Sa Huỳnh – mặt tiền hướng biển Thái Bình vẫn gọi là “Carrefour des Arts” – “Carrefour de peuples et de Civilisations”, sự tiếp nhận và biến cải nhiều thành tựu văn hóa – nghệ thuật – tín ngưỡng ở nhiều văn minh viên quanh nó cũng là thế mạnh dễ thấy của cư dân bản xứ – họ là chính họ dù “hướng biển” và thạo nghề đi biển chứ không phải là “người từ biển vào”. Thật tiếc là điều cảm niệm về “những người dân bản địa làm ruộng và hoạt động thủ công nơi duyên hải” – chủ nhân đích thị của Phức hệ văn hóa Sa Huỳnh ấy hơn ba thập kỷ nay vẫn làm tôi tin tưởng nhất³⁰.

3. Những vấn đề cần quan tâm

Nhưng các vấn đề cần quan tâm hơn theo tôi là định hướng điền dã và kiểm tìm các “Cột địa tầng chuẩn” (Standard Stratum Column) Tiền Sa Huỳnh – Nguyên-Sơ Sa Huỳnh – Sa Huỳnh cổ điển – hậu Sa Huỳnh ở cả ba cương vực cơ bản. Trước đây, khi chúng tôi “trở lại Sa Huỳnh” ngay từ 1977-1979, 1993-1994, chỉ bằng quan sát thực địa thôi chúng ta rất dễ dàng có nhận thức rất mới về “địa tầng” động cát “quê hương” của tên gọi Sa Huỳnh nơi Đức Phổ – Gò Ma Vương (Thạch Cú cũ), Gò Giò Gà (Núi Cát cũ) và các dải cồn cát từng chứa các cụm di tích

chứa mộ chum sẽ chắc chắn phải có người sống “tại chỗ” cùng thời hay trước đó, với hàng ngàn dấu tích văn hóa “in situ; in site” nguyên thủy hơn cả thiên niên trước khi tiền nhân vùi hải cốt người thân trong các chum vò gốm thời Sơ Sắt. Nhưng chính ở các dải cát như thế viên biển Nam Trung Bộ, tôi rất hoài nghi về “giá trị địa tầng” của di chỉ cư trú vì chúng bị xáo trộn quá nhiều trước hết vì các nghĩa địa chum vùi trong đó, sau nữa vì những đợt cuồng phong thổi bạt các đỉnh cát “đứng trước biển” như Bàu Hòe (Bình Thuận), Mỹ Tường, Hòn Đò (Ninh Thuận), Truong Xe, Gò Lồi, Chánh Trạch, Thuận Đạo (Bình Định), Gò Diều Gà – Ma Vương (Long Thành) và Phú Khương hay Bình Châu (Quảng Ngãi) .v.v...nơi miền Thiên nhiên có những động cát vì văn vũ cuồng phong đã “biết đi” qua năm tháng. Chúng ta đã có được các địa tầng nơi “Sa Huỳnh Núi” – “Sa Huỳnh đảo gần” rất giá trị, đặc biệt soi rọi kết cấu văn hóa “liền mạch” Sa Huỳnh cổ điển – Sau Sa Huỳnh (với các tổ chất Chăm sớm và cả dấu ấn văn hóa Hán như dao găm đồng chuôi vành khăn, qua sắt, gương đồng và tiền Ngũ Thù – Vương Mãng hay gốm in ô vuông) với khung tuổi đáng tin – thế kỷ 1-4 AD nhưng chỉ tập trung ở Sa Huỳnh Bắc (Vườn Đình-Khuê Bắc, Bình Yên, Gò Dừa, Gò Bờ Rang, Thôn Tư, Mã Vôi, Hậu Xá 1-2, Lai Nghi, An Bang, Xuân Lâm, Gò Cẩm, Cẩm Thi, Núi Vàng, Cẩm Phô, Đồng Nà, Trảng Sỏi, Bãi Ông-Hòn Lao) .v.v... Tôi thấy cần định hướng kiểm tìm, một mặt, các địa tầng kiểu đó ở cương vực Sa Huỳnh Trung điểm và Sa Huỳnh Nam (các dấu tích gốm Chăm sớm và gốm Hán, cùng ít tiền Ngũ Thù đã xuất lộ Vườn Chì, Đình Cũ, Gò Kim, Gò Quê, Long Bình, Hòa Diêm và cả ngoài đảo Lý Sơn); mặt khác và quan trọng hơn, chính là những cột địa tầng có thể tin được về các “nấc-mức” tiền triển và kết gắn Phức hệ “kiểu Bàu Trám” chứ không phải Bình Châu và các kiểu “Tiền Bàu Trám” – “Hậu Bàu Trám” nữa ở các phân dải Sa Huỳnh “miệt cao” của cả ba cương vực.

Sự “hỗn dung” (Acculturation) và “hội nhập” (Intergration) văn hóa ở các vùng đệm cơ bản: Sa

³⁰ Phạm Đức Mạnh (2009). Sdd, tr.27-66.

Huỳnh Bắc – Đông Sơn Nam; Sa Huỳnh Nam – Đông Nai Bắc; Sa Huỳnh miền đồi núi – Tây Nguyên và Trường Sơn Nam; Sa Huỳnh đảo gần – Thế giới đảo xa bờ cần thêm nhiều chuyên khảo, vì chính các giả thiết phác họa từ đây liên hệ đến “bản sắc Sa Huỳnh” ở mọi thời đoạn lịch sử nhưng chúng ta lại thường bắt nhất. Trong bình diện lớn hơn, có người nghĩ rằng ở địa bàn gốc Sa Huỳnh (ít ra là cương vực Bắc), ảnh hưởng văn minh Hoa Hạ đến sớm hơn Ấn Độ [9:1999]. Tôi không tin như thế, bằng cứ là vết tích Hoa Hạ sớm nhất và rõ nhất hiện biết trong các trầm tích văn hóa bản địa Sa Huỳnh (gồm in ô vuông, chuỗi ngọc hình trụ tròn thắt giữa, dao găm sắt có chuỗi vành khăn từng thấy ở mộ Nam Việt Vương, gương đồng “Tứ ly tứ linh kỳ thú” và “Nhật Quang kính”...) chỉ từ thế kỷ 2-1 BC; trong khi nhiều dấu tích liên quan đến kỹ xảo và “tay nghề” Nam Ấn làm trang sức và phục sức bằng đá quý – bán quý và thủy tinh trong hay đa màu hiện hữu trước đó vài thế kỷ. Sự hiện diện của trống đồng Đông Sơn thực thụ (như trống Sơn Tịnh) và cả trống “kiểu Đông Sơn” và những bộ đồ đồng “không thể lẫn” của Đông Sơn trong các cương vực cơ bản của Phức hệ Sa Huỳnh (và cả ở Nam Bộ và Tây Nguyên nữa) ngày càng nhiều hơn mà, cho dù chúng thường là các phát hiện ngẫu nhiên thì cũng không thể bỏ qua, bởi cả trống – như ở Phú Chánh (Bình Dương) và các công cụ-vũ khí-trang sức đồng tương tự đã thực thụ là “bộ phận cấu thành” quan trọng của tùy táng Sa Huỳnh trong các mộ chum-vò hay mộ đất (có khi còn nằm bên những bảo bối của các nền văn minh xa hơn Đông Sơn như Ấn - Hoa). Sự có mặt của trống Heger I, dấu còn ít trường hợp chứa gốm và trang sức liên quan đến Sa Huỳnh, vẫn cần được khắc họa và định hướng kiếm tìm và “giải mã” thấu đáo hơn. Tôi vẫn tin chúng là một “sự thật lịch sử hiển minh” rõ ràng dội đến từ “Quê hương gốc” của trống Heger I mà cố GS Trần Quốc Vượng vẫn gọi là “Tam giác đồng” (Bronze Triangle) mà tôi muốn tính thêm cả

cao nguyên Khò Rạt nữa (Bronze Quadrilateral)³¹. Thế nhưng, đó có phải là “Cuộc di cư lớn của cư dân văn hóa Đông Sơn”³² đến xứ này (và cả Nam Bộ hay Tây Nguyên) không? Tôi muốn tin như thế, nhưng bất an vì sự liên lạc của bản thân chúng với Sa Huỳnh còn mờ nhạt quá. Đó có thể cũng là “thành quả giao lưu văn hóa” của Sa Huỳnh với khu vực và châu lục, trước hết với hai khối dân cư và văn minh khổng lồ của nhân loại: Ấn và Hoa – qua thế mạnh “hàng hải biển” (Maritime Trade) như nhiều người đã chứng minh³³.

Ngoài ra, các vấn đề nghiên cứu còn bỏ ngỏ cũng rất lý thú vì liên quan trực tiếp đến các cương vực Sa Huỳnh căn bản cùng di sản của nó mà cũng không kém phần nan giải, từ những câu hỏi nhỏ, ví như vì sao “chất Đá mới” đậm nét trong nhiều di chỉ và cả mộ chum của Phức hệ?; cổ vật ngọc nephrite và thủy tinh có hình 2 đầu thú “đặc sản” Sa Huỳnh là vật đeo dạng “bùa” (Amulette) hay “khuyên tai” – “hoa tai hình động vật” (boucle d’oreille; pendant d’oreille zoomorphe) và đó là con gì: lừa (E.Saurin; H.Fontaine), dê (Kano Tadao; Trịnh Sinh), trâu (Trần Kỳ Phương, Hồ Xuân Tịnh), hươu cái (H.Loofs-Wissowa; W.Solheim II), ngựa (R.B.Fox) hay Sao la – “Bò Vụ Quang” (Pseudorynchotetralix) hoặc Quang Khem (Reinecke, Phạm Thị Ninh)? Có phải khuyên tai 2 đầu thú chỉ dành cho đàn ông và hoa tai vành khăn dành cho phụ nữ và trẻ con? Vì sao ngư dân Sa Huỳnh ít xài chỉ lưới và thương nhân ít dùng cân? Dội se chỉ có nhiều hơn (57 tiêu bản), phổ cập trong 27 làng cổ từ miền núi xuống đồng bằng ra cả đảo gần (Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré), nhưng có phải nghề dệt vải Sa Huỳnh chỉ xuất hiện trong Thiên kỷ I BC hay phải sớm hơn ?. Cổ vật gốm Sa Huỳnh gọi là “đèn” hay là “bát chống kiến”? Tàng kép – chôn lồng độc đáo Sa Huỳnh (và cả kiểu mộ “Chum gỗ – Trống đồng” – “Cũi gỗ – Trống Đồng” Phú Chánh

³¹ Trần Quốc Vượng (1996). Sdd. Phạm Đức Mạnh (2008). Kỹ nghệ tinh luyện kim loại nguyên sinh ở cuối nguồn “Sông Mẹ”, cội nguồn và bản sắc, KCH, số 2, tr.21-31.

³² Diệp Đình Hoa (2004). Sdd, tr.99.

³³ Nguyễn Kim Dung (2005). Sdd, tr.17-48.

– Đồng Nai) có liên hệ gì với tư duy mai táng “trong quan – ngoài quách” Việt?. Vì sao Thừa Thiên – Huế có trống HI (Bản Khe Trăn, Phong Mỹ, Phong Điền) và Quảng Ngãi – Nha Trang có nhiều trống HI (Trà Bồng, Gò Thị, Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp, Bình Tân, Cát Tài, Kim Châu, Gò Dưa, Nha Trang) mà Quảng Nam thấy nhiều đồ đồng Đông Sơn lại không có trống?. Vì sao Đất Quảng nhiều gương đồng Tây Hán và Đồng Nai cũng có mà ở Sa Huỳnh Trung điểm và Sa Huỳnh Nam không thấy? Vì sao khuyên tai 2 đầu thú nhiều ở Sa Huỳnh Bắc và Nam Bộ lại không có ở Sa Huỳnh Trung điểm và Sa Huỳnh Nam? Có phải sưu tập bình gốm Long Thạnh – Bình Châu là “tuyệt tác” gốm Tiền sử Đông Nam Á bên cạnh gốm của “người Phùng Nguyên và đối xứng” và gốm Ban Chiang? .v.v...

Có nhiều câu hỏi không cần lắm (chẳng hạn, trống Việt cổ ở Quảng Nam hay gương Tây Hán ở Quảng Ngãi sẽ có vì chúng ta điều nghiên “cuốn chiếu” chưa kỹ và cũng sẽ chả có nếu tiền nhân ở đó không thích “biểu tượng” ấy) .v.v... Nhưng có các câu hỏi rất cần thiết, ví như: Quan hệ giữa táng thức chủ đạo (mộ chum vò) với các dạng mộ đất cổ truyền từ sớm đến muộn ở Sa Huỳnh (Bình Châu, Xóm Ốc, Hòa Diêm, Mã Vôi, Hậu Xá)? Và các trường hợp táng thức mộ chum – mộ đất song hành như thế là phổ biến ở Việt Nam (trong Phức hệ Đông Sơn, mộ vò chôn trẻ thường biệt lập với mộ đất, ở Cần Giờ – Nam Bộ thì lại nằm cạnh nhau) và ở Đông Nam Á (Palawan – Java, Gilimanuk – Bali³⁴). Mà cũng không chỉ ở cấu trúc mộ, táng thức đa dạng cũng được ghi nhận cùng thời và “tại chỗ” (in situ) trong không ít nghĩa trang, ví như hưng táng (primary) (Xóm Ốc, Cần Giờ, Anya, San Narcio, Pilar, Sorsogon); cải táng (secondary) 1 hay nhiều cá thể (Bình Yên, Hòa Diêm, Magsuhot ở đảo Negros–Philippines, Non Yang–Thái Lan chứa 3 sọ)³⁵, có cả hỏa táng, cả “chôn tượng trưng” nữa (như Nguyễn Lâm Cường phát giác ở Hòa Diêm),

vậy thì chúng có “có liên quan đến cơ cấu cư trú” ra sao? Riêng về tục hỏa táng, theo tôi đã được ghi nhận rất sớm ở Việt Nam, ít ra phải từ Thiên kỷ II BC ở trường hợp Tây Nguyên và Thiên kỷ I BC với vết tích ghi nhận trong nhiều mộ chum Sa Huỳnh và cả viên Sa Huỳnh ở Bắc Trung Bộ và Nam Bộ, chứ không phải như có người quan niệm chỉ “vài thế kỷ AD khi các miền văn hóa này có quan hệ với tôn giáo Ấn - Hoa”. Kể cả các hiện tượng được coi là “sưởi mộ” – “sưởi âm linh hồn người chết trước khi chôn” ở Sa Huỳnh và cả Đồng Nai thời cổ sử (Giồng Lớn) cũng rất có thể chỉ đơn giản là “vết tích hỏa táng” như M.Colani thấy trong “lò thiêu Sơ sử” ở hang Ban Ang (1935) ? Các câu hỏi khó hơn liên quan đến chính chủ nhân toàn Phức hệ – người Tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh là ai? Có phải hậu duệ của họ là người Chăm cổ? Và phải chăng họ là chủ nhân trực tiếp không chỉ cư dân Champa mà còn cả các tộc người miền cao khác, ví như “người Cơ Tu”, với sự đồng dạng của công cụ – vũ khí sắt (giáo, lao, rựa) và kiểu gốm cổ truyền hay quan niệm coi “mã nào như tiền tệ”? Dẫu trong các di tích thuộc Phức hệ Sa Huỳnh tìm thấy di hài ngày một nhiều hơn (Mỹ Tường, Hòn Đỏ, Bàu Hòe, Bình Yên, Xóm Ốc, Gò Quê, Suối Chình, Hòa Diêm, Bình Ba và cả các vết tích nhân cốt ở Gò Dưa, Gò Mã Vôi, Lai Nghi .v.v...), các kết quả quan trắc nhân chủng học cũng chưa làm ta thỏa mãn: họ đích thị là ai? Ví như, người Bình Yên “thuộc loại hình hỗn chủng Indonesien và Đông Nam Á”³⁶; người Xóm Ốc “gần Việt và Lubowen, khác xa Tây Úc”; người Hòa Diêm là “Mongolo-Australoid có đặc điểm Mongoloid hiện đại”, là “Indonesien gần Đông Sơn” và là “cư dân Mongoloid có xen đôi nét của đại chủng Australoid”³⁷, còn người Mỹ Tường, Hòn Đỏ là “Indonesien” hay “hỗn chủng Mongolo-Australoid gần người Thượng Ê-Đê và K’Ho ở Tây Nguyên”³⁸.

³⁴ Ngô Thế Phong (1997). Sdd, tr.45-57.

³⁵ Nguyễn Lâm Cường (1998-2000). Sdd.

³⁶ Nguyễn Lâm Cường (1998). Sdd, tr.69.

³⁷ Nguyễn Lâm Cường (2000). Sdd, tr.125.

³⁸ Malleret, L. (1963). Sdd.

Sự “hỗn chủng” trong các kết quả nhân học – sử học – khảo cổ học này khiến chúng ta liên tưởng đến các lý thuyết về “Nền tảng cư dân” Phức hệ di tích văn hóa Sa Huỳnh “hỗn chủng” đan hòa cả hai khối tộc người lục địa và hải đảo: “Indonesien”-Tiền “Nam Á” (Pre-Austroasiatiques) + Tiền-Nguyên-Sơ “Mã Lai đa đảo” (Pré & Proto-Malayopolynesiens-Austoniens); rồi lại dẫn tới trở lại với “lời bình” Chữ Văn Tàn 3 thập kỷ trước về nền văn hóa Sa Huỳnh “không phải là văn hóa thuần biến, cũng không phải là văn hóa của cư dân nông nghiệp đồng bằng, mà là văn hóa của cư dân nông nghiệp duyên hải, với yếu tố nông nghiệp và yếu tố biển đều được thể hiện đậm đà” và chủ nhân của nó là “tổng hòa của những chuỗi vòng đồng quy sống tộc được hình thành trên khối nền (substratum) Nam Á cổ với sự tham gia của các yếu tố “Nguyên Mã Lai” ngày một đậm”³⁹.

Một trăm năm phát hiện và nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh đã tích lũy lượng kiến thức khảo cổ học đồ sộ, đặc biệt tính từ ba thập kỷ nay, khi đất nước Việt Nam liền một dải thống nhất về lãnh thổ và lãnh hải (Bảng 1). Phức hệ di tích văn hóa Sa Huỳnh về thời gian, có khả năng từ các tuyến gốc hậu Đá mới Hoa Lộc-Bàu Tró-Cồn Nền (Bắc Trung Bộ); Biển Hồ-Lung Leng-Buôn Triết (Tây Nguyên) và Sơ Cầu Sắt-Đa Kai (Đông Nam Bộ) (kể cả nhánh biển từ các đảo xa bờ kiểu Côn Đảo, Thổ Chu) để manh nha và lớn lên (gồm thân các văn hóa nối nhau từ sơ kỳ Đồng – “giai đoạn tạo hình”, đến sơ kỳ Sắt – “giai đoạn kết tinh” (từ Vườn Đình-Khuê Bắc – Gò Bà Tham-Gò Miếu – Phú Hòa-Hậu Xá – Cồn Ràng-Tam Mỹ-Quế Lộc-Mả Vôi-Lai Nghi-Gò Quảng-Gò Cẩm; từ Long Thạnh 2 – Bình Châu-Trà Phong-Trường Xe – Trảng Quỳnh-Gò Quê – Long Thạnh 1-Thạnh Đức-Phú Khương-Động Cườm; Xóm Cồn-Cồn Đình – Mỹ Tường-Gò Ốc-Bộng Dầu – Hòn Đỏ – Hòa Vinh – Bàu Hòe-Hòa Diêm) và về không gian phẳng, quy chiếu ba miền văn hóa lớn; Sa Huỳnh Bắc – Sa Huỳnh Trung – Sa Huỳnh Nam,

với các phân vùng Đất liền và Đảo gần ở mỗi miền. Đặc trưng làm nên “bản sắc tầm cao Sa Huỳnh” không hề lẫn với Đông Sơn hay Suối Chồn trên dải đất hình chữ S “núi liền núi, sông liền sông” hướng biển Thái Bình này, thế nên nó không thể đánh đồng “chất văn hóa” với miền hải đảo xa thiên lý (H1,4). Đây là một truyền thống văn hóa bản địa, hợp tuyển bởi những cư dân từ nhiều vùng miền lãnh thổ và đảo gần bờ góp sức thành tạo nên, từ miền cao nguyên Tây Nguyên, miền núi và đồng bằng Bắc Hải Vân, miền thượng và trung lưu Đạ Đờn – Đồng Nai và có thể cả từ miền hải đảo nữa. Bên cạnh táng thức chôn người quá cố trong chum – vò gốm là chủ đạo, còn tồn tại của truyền thống mộ bản địa huyệt đất, kê-rải gốm và cả các dạng mộ nổi-vò nhỏ gợi nhớ các nguồn cội tự xa xưa và ở thời điểm muộn, có khả năng hình thành cả lối chôn các thủ lĩnh trong “mộ trống Heger I” như từng thấy ở Quảng Thắng và Nga Sơn, Thanh Hóa và cả Phú Chánh – Bình Dương, Hòn Rái – Lại Sơn, Kiên Giang⁴⁰. Cùng với những sưu tập bình Long Thạnh là “tuyệt tác gốm Tiền sử – Sơ sử trên đất liền Đông Nam Á Thiên kỷ II-IBC” bên cạnh Phùng Nguyên và Bản Chiang, những di tích tiêu biểu nhất cho tầm cao Sơ Sắt Phức hệ này quy tập dọc đôi bờ sông Thu Bồn (Sa Huỳnh Bắc) và viên quanh các bờ đầm An Khê – La Vân (Sa Huỳnh Trung điểm), với cả các vị trí “tiền tiêu” trên những hòn đảo gần Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré và Hòn Tre, làm nên những “Thế mạnh Sa Huỳnh” trong giao thương biển từ nhiều thế kỷ trước khi các cư dân bản địa – bộ lạc Dừa (Nariketa Vamsa) cư trú trên vùng Quảng Nam – Quảng Ngãi – Bình Định và bộ lạc Cau (Kramuka Vamsa) cư trú trên vùng Phú Yên – Khánh Hòa – Ninh Thuận – Bình Thuận hội hòa và tôn vương “Sri Mara” trên bia Võ Cạnh⁴¹. Phức hệ di tích văn hóa Sa Huỳnh là một trong ba truyền thống văn hóa lớn ở Việt Nam trong thời đại Kim khí và , trên cơ sở ba “khối kết tinh” thời Sơ Sắt – Đông Sơn (Bắc Bộ – Bắc Trung Bộ) – Sa Huỳnh (Nam Trung

³⁹ Chữ Văn Tàn (1978). Sdd, tr.52-60.

⁴⁰ Phạm Đức Mạnh (2005). Sdd.

⁴¹ Hà Văn Tấn (1983). Sdd, tr.45-50.

Bộ) – Suối Chồn (Đông Nam Bộ), dẫn đến hình thành các cơ cấu quyền lực tối cao liên vùng Văn Lang – Âu Lạc; Lâm Ấp – Champa và Suối Chồn “tiền Óc Eo” – Phù Nam – những nhà nước sơ khai kiểu Phương Đông ở Việt Nam từ những thế kỷ trước và sau Công Lịch. Với cả ngàn năm có dư kinh nghiệm cổ truyền khai thác lâm sản, thổ sản và thủy sản của vùng “đất rừng Phương Nam” và bản lĩnh “bám biển”, “đứng trước biển” và “tiếp xúc với thế giới bên ngoài bằng đường biển”, hậu duệ của người Sa Huỳnh những thế kỷ đầu công nguyên khai triển ở trình độ văn minh hàng hải mới các kỹ nghệ viễn dương mà về sau có người gọi Champa là “một thế chế biển”. Chưa hẳn đúng thế nhưng với các nỗ lực của thủy thủ Champa bang giao mật thiết với Óc Eo-Phù Nam và gia nhập vào những “con đường lụa” nối Thái Bình Dương – Đại tây Dương của cương vực này (H5 – Yumlo Sakurai, 1996), phải chăng tiền nhân của họ – người Sa Huỳnh, cùng với người Đồng Nai, cũng góp phần thành tạo tuyến “nội sinh” đan kết với tuyến “ngoại sinh” từ Tây Phương Thiên Trúc hình thành nên Nhà nước và Văn minh Phù Nam – “một bước ngoặt lịch sử”. Trong Hội thảo “Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam” (Hà Nội, 1998), có nhà nghiên cứu nói rằng: “về văn hóa thời đại Kim khí miền Trung Việt Nam chúng ta chưa làm được nhiều”⁴². Với những dẫn liệu vừa trình bày về 119 di tích cùng 19.342 di sản chính liên hệ với Phức hệ văn hóa Sa Huỳnh, tôi lại cho rằng: chúng ta đã làm được rất nhiều cho “thời đại Kim khí miền Trung Việt Nam”. Chúng ta hãy nghe thêm phát biểu của các học giả nước ngoài chuyên gia Kim khí Đông Nam Á tại chính Hội thảo này; ví như theo TS A.Reinecke (Viện KCH Quốc gia Đức), “Sau năm 1975, chắc chắn có thêm nhiều những ấn phẩm khảo cổ học in ở Việt Nam hơn là ở hầu hết các nơi khác ở Đông Nam Á (mỗi năm khoảng 1000 đến 2000 trang)”⁴³; hoặc với “cái nhìn từ bên ngoài” về Khảo cổ học Việt Nam (Vietnamese Archaeology viewed from the Outside)

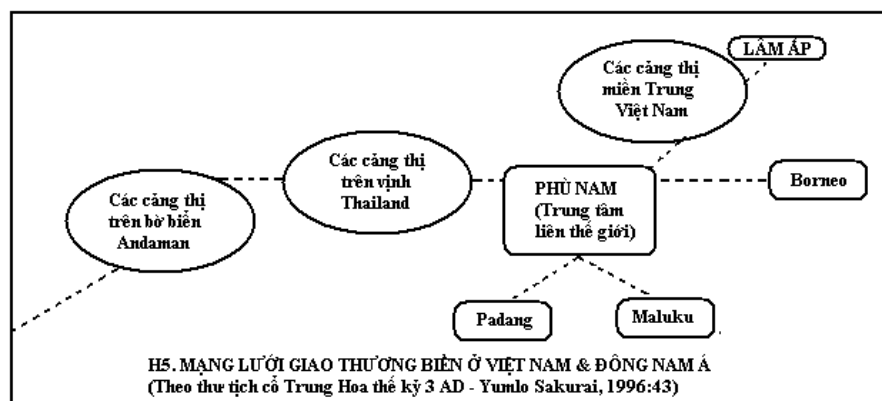
(2004) của GS. C.Higham (Đại học Otago, Tân Tây Lan), thì: “Nghiên cứu khảo cổ học Việt Nam có thành tích hoạt động xuất sắc và lâu dài... Nhận thức của chúng ta về văn hóa Sa Huỳnh được tăng lên đáng kể trong hơn một thập kỷ qua với các địa điểm mới ở Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt cạnh TP. HCM. Địa điểm chiến lược của di chỉ này là cạnh châu thổ sông Mekong và các đồ trang sức lạ, đại diện cho giai đoạn Tiền sử muộn có tính chất quyết định trong việc hình thành nhà nước Phù Nam sau này. Các nhà nghiên cứu Tiền sử Việt Nam đã tập trung cố gắng thêm nữa trong việc mở rộng kiến thức về Sa Huỳnh trong khu vực mà nó được phát hiện, cũng như trải rộng tới phía bắc trong thung lũng sông Thu Bồn... Văn hóa Sa Huỳnh đến các đảo ngoài khơi xa. Tại Xóm Ốc trên đảo Lý Sơn tôi muốn biết có phải luồng thông tin này có tính thâm nhập vào Việt Nam, có nguồn gốc ở Đông Nam Á và tổ tiên của văn minh Champa không?... Tôi tin tưởng rằng tất cả những nhà Khảo cổ học nước ngoài cảm thấy khá khâm phục về những tiến bộ đạt được ở Việt Nam trong cả thế kỷ qua”⁴⁴.

Nhưng tôi vẫn có thể chia sẻ với đồng nghiệp về không ít vấn đề còn bẽ bộn và làm chúng ta bất an không chỉ trong học thuật vì đúng là có nhiều điều đã nhận thức, tương thống nhất, có khi còn coi như một “thành tựu” của nhận thức về Sa Huỳnh vẫn cần “nhận thức lại”; đôi khi những phát hiện mới lại đem đến cho chúng ta nhiều câu hỏi hơn là lời giải đáp, lại khiến chúng ta, nói bằng lời GS Hà Văn Tấn trên các hố đào Cần Giờ xưa, “bội thực”. Song, theo tôi, điều đáng nói vì khẩn thiết hơn cả là có không ít kho tàng cổ nhân Sa Huỳnh bị đào phá vô thức hoặc cố ý “săn tìm quý kim” ở khắp mọi nơi (hàng trăm thậm chí hàng ngàn mộ chum bị đào tìm mã não, khuyên ngọc và bảo bối), nhiều di sản đã bị “khai tử” vì “giải tỏa trắng” do nhu cầu phát triển kinh tế, quy hoạch đô thị – xây dựng mới và còn không ít di sản đang đứng trước nguy cơ biến mất khỏi bản đồ Sa Huỳnh như thế (Bazi-Xting, Cơ

⁴² Lâm Mỹ Dung (2004). Sdd, tr.741.

⁴³ Reinecke, A., Nguyễn Chiếu (2004). Sdd, tr.793-807.

⁴⁴ Higham, C. (2004). Sdd, tr.531-533.



Noanh, B' Rang-Cà Di, Tabhing-thung K'pac, Cồn Ràng, Gò Đình, Cẩm Thị, Gò Ngoài, Bình Yên, Phú Đa, Dinh Ông, Gò Tây An, Gò Mùn, An Bang, Điện Ngọc, Tam Giang – Sa Huỳnh Bắc; Thanh Đức, Gò Mỏ Côi, Gò Kim, Trảng Quỳnh, Hát Bàu Lưu, Xóm Ốc – Sa Huỳnh trung điểm; Xóm Cồn, Hòn Đỏ, Mỹ Tường, Động Láng, Phú Trường – Sa Huỳnh Nam). Thật đáng tiếc là không ít địa điểm chứa trống đồng đã bị “rà phế liệu” đem bán, các cuộc truy tìm thu hồi về bảo tàng đa phần bị bể vỡ, các cuộc khảo cứu thăm tra hiện trường chứa trống có nơi còn thấy tầng văn hóa hay vết tích tùy táng liên hệ với Sa Huỳnh (nồi, bát bồng, hỏa lò, gốm tô chì và miết láng, giáo và quả cân đồng, đầu trụ đồng hình chim, công cụ – vũ khí sắt – cuốc, đục, kiếm...) mang diện mạo của các ngôi “Mộ trống đồng” dành cho thủ lĩnh bản xứ mà tôi vẫn nghĩ là một trong những “biến cải” độc đáo của táng thức chum gốm – bên cạnh biến thể chum đá (Sarcophagus; Megalithic Jar) ở Xiengkhuang – Laos và Bali – Indonesia, ít nhất có thể ghi nhận ở Việt Nam “kiểu Phú Chánh” (H4) – hình hài đường

như đã có cả ở Quảng Thắng và Nga Sơn (Thanh Hóa), ở Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Phù Cát (Bình Định) và Phú Yên, Nha Trang, cả Hòn Rái-Lại Sơn (Kiên Giang) và cả “Cánh đồng Trống đồng” Dak Lak dường như có đến nhiều chục tiêu bản (?) đã bị đào phá mất mà TS Trần Quý Thịnh nói với tôi gần đây nữa .v.v...

Chúng ta rất cần có những chương trình điền dã – nghiên cứu lớn cấp Nhà nước, có định hướng lâu niên, đồng bộ giữa chuyên ngành và liên ngành – xuyên ngành nhằm mục tiêu “cấp cứu” (SOS) di sản văn hóa vật thể – phi vật thể nói chung và di sản Sa Huỳnh nói riêng ở toàn miền cực nam Trung Bộ. “Cần phải giữ gìn cho được mọi giá trị văn hóa dân tộc, dù cho nó chỉ còn là những mảnh vỡ nhỏ. Bởi vì, văn hóa của một dân tộc, một cộng đồng người, thậm chí của một cá thể, là những điều không thể thay thế được” (Tổng Thư ký UNESCO Federico Mayor). Và, nhân kỷ niệm 100 năm phát hiện Sa Huỳnh (1909-2009), chúng tôi tin đây cũng là ước muốn chung của mọi người, không chỉ của riêng các nhà khảo cổ học.

Aggregated Sa Huynh heritage with some recognitions

• **Pham Duc Manh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The paper introduces the achievements from the explorations, excavations, verifications and new studies and fundamental awareness of the unusually excellent cultural tradition named “Sa Huỳnh Complex”.

Based on the data of one-century discovery and research, the author clearly states his viewpoints on the “Cultural Space” of the Southernmost central regions of “Sa Huỳnh Complex” with unique characteristics in the regional distribution and time of its existence and development. The author explains the main following ideas:

+ Quantitative and qualitative features of Sa Huỳnh complex in time and flat space to survive as well as its accretion through which some speculations were raised about the origin of Sa Huỳnh and its internal and external features.

+ Finally, some concerns about the unresolved dilemma of Sa Huỳnh in terms of academic, research and preservation systems of Sa Huỳnh heritage “for today and for immortality” in face of the risk of damage and destruction of the legacy of Sa Huỳnh.

Keywords: jar burials, Sa Huỳnh complex, Early Iron Age

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bellwood, P. (1985), Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago, New York.
- [2]. Bùi Văn Liêm – Võ Quý (2004), Văn hóa Sa Huỳnh ở Tây Nguyên – VHSOHA-KYHTKH: 228-243.
- [3]. Chử Văn Tần (1978), Về văn hóa Sa Huỳnh – KCH, 1:52-60; (1983), Nhóm di tích Long Thạnh trong hệ thống văn hóa Sa Huỳnh – VBTLSVN-TBKH, 1:56-59; (2004), Văn hóa Sa Huỳnh nhìn lại mười thập kỷ phát hiện và nghiên cứu – MTKKCHVN, I:727.
- [4]. Diệp Đình Hoa (2004), Cuộc di cư lớn của cư dân văn hóa Đông Sơn vào vùng cao nguyên của các tỉnh Nam Trung Bộ – KCH, 3:99-118.
- [5]. Đào Quý Cảnh (2008), Khảo cổ học Côn Đảo, góc tiếp cận sinh thái nhân văn – KCH, 1:3-17.
- [6]. Đặng Văn Thắng – Vũ Quốc Hiền – Nguyễn Thị Hậu – Ngô Thế Phong – Nguyễn Kim Dung – Nguyễn Lâm Cường (2005), Khảo cổ học Tiền sử và Sơ sử Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- [7]. Hà Văn Tấn (1983), Suy nghĩ về Sa Huỳnh và từ Sa Huỳnh – VBTLSVN-TBKH, 1:45; (1997), Theo dấu văn hóa cổ, Hà Nội.
- [8]. Higham, C. (1996), The Bronze Age of Southeast Asia, Cambridge University Press; (1998), Prehistoric Thailand-from Early Settlement to Sukhothai. River books, Bangkok, Thailand; (2004), Vietnamese Archaeology viewed from the Outside – MTKKCHVN, I:531-533.
- [9]. Lâm Mỹ Dung (1999), Yếu tố Hán ở miền Trung Việt Nam những thế kỷ trước sau Công

- nguyên – VSHS-90NPH&NC; (2004), Về “Tiền Sa Huỳnh” ở trung Trung Bộ Việt Nam – MTKKCHVN, I:741.
- [10]. Malleret, L. (1959-1963), *L’Archéologie du Delta du Mékong* – Publication de l’EFEO, Paris.
- [11]. Ngô Thế Phong (1997), Văn hóa Sa Huỳnh trong khung cảnh Đông Nam Á – KCH, 4:45-57.
- [12]. Nguyễn Khắc Sử, chủ biên (2004), Khảo cổ học Tiền sử Dak Lak; (2007), Khảo cổ học Tiền sử Kon Tum, Hà Nội.
- [13]. Nguyễn Kim Dung (2005), Di chỉ Gò Cẩm và con đường tiếp biến văn hóa Sa Huỳnh khu vực Trà Kiệu – KCH, 6:17-48
- [14]. Nguyễn Lân Cường (1998), Di cốt người cổ thuộc văn hóa Sa Huỳnh ở Bình Yên, Quảng Nam – NPHMVKCH:69-70; (1999), Nghiên cứu di cốt người cổ ở địa điểm Xóm Ốc – KCH, 2:3-13; (2000), Nghiên cứu di cốt người cổ ở Hòa Diêm (Khánh Hòa) – KCH, 2:125-134; (2007), Về di cốt trẻ em tìm thấy trong mộ nổi ở Suối Chình (Quảng Ngãi) – NPHMVKCH:171-176.
- [15]. Nguyễn Trung Chiển – Đào Quý Cảnh (2000), Khai quật hai địa điểm Bãi Ngự, Bãi Dong trên đảo Thổ Chu (Phú Quốc, Kiên Giang) 1998 – KCH, 2:46-73; (2001), Khảo sát và phát hiện mới tại Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu) – KCH, 3:28-42.
- [16]. Nitta, E. (2004), Nghiên cứu đối sánh mộ chum ở Đông Nam Á – VSHOHA-KYHTKH:312-325.
- [17]. Phạm Đức Mạnh (1985), Suy nghĩ về “không gian văn hóa” của Sa Huỳnh và về Sa Huỳnh – KCH, 3:31-46; (1987), Cụm di tích Thuận Hải trong hệ thống Sa Huỳnh – KCH, 2:36-47; (1993), Gốm màu trong văn hóa tiền sử Đồng Nai (Việt Nam) và trong bình diện rộng hơn – NCDNA, 3:34-42; (1996), Khảo sát di tích-di vật ở Năm Căn và thị xã Cà Mau (Cà Mau) – NPHMVKCH:57-59; (2000), Những mộ “chum gỗ – trống đồng” lần đầu tiên khám phá ở Việt Nam – Kiến thức ngày nay, số 342:81-84; (2005), Trống đồng kiểu Đông Sơn (Heger I) ở miền Nam Việt Nam, Tp. HCM; (2008), Kỹ nghệ tinh luyện kim loại nguyên sinh ở cuối ngồn “Sông Mẹ” – cội nguồn và bản sắc – KCH, 3:21-31; (2009), Sa Huỳnh, Văn hóa – Phức hệ và diện mạo “Thống nhất trong đa dạng” – KCH, 5:27-66.
- [18]. Phạm Đức Mạnh – Bùi Chí Hoàng (1984), Cụm di tích mộ vò ở miền Đông Nam Bộ – Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng Cửu Long, Long Xuyên, 122-135.
- [19]. Phạm Đức Mạnh – Trịnh Sinh – Nguyễn Việt (1978), Mộ vò Quý Chử – NPHMVKCH:180-181.
- [20]. Phạm Đức Mạnh – Yamagata, M. (2004), Những nghĩa địa Sa Huỳnh (Nam Trung Bộ) và Đồng Nai (Đông Nam Bộ) có chứa gương đồng thời Tây Hán – KCH, 2:26-42.
- [21]. Phạm Thị Ninh – Đoàn Ngọc Khôi (1999), Xóm Ốc-di tích văn hóa Sa Huỳnh ở Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) – KCH, 2:14-39.
- [22]. Reinecke, A. – Nguyễn Chiêu (2004), Một số nhận xét về văn hóa Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Nam từ quan điểm về di tích Gò Mả Vôi – MTKKCHVN,I:793-807.
- [23]. Trần Quốc Vượng (1996), Mô hình địa – văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á; (2004), Tổng luận về văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An – VSHOHA-KYHTKH:42-50.
- [24]. Vũ Quốc Hiền – Trương Đắc Chiển – Lê Văn Chiển (2008), Di chỉ Giồng Lớn (Bà Rịa – Vũng Tàu) qua hai lần khai quật – KCH, 6:32.
- [25]. Yamagata, Mariko. – Phạm Đức Mạnh – Bùi Chí Hoàng (2001), Western Han bronze mirrors recently discovered in Central and Sothern Vietnam – Indo-Pacific Prehistory: The Malaka Papers, 99-106.

CHỮ VIẾT TẮT

KCH: Khảo cổ học, Hà Nội. MTKKCHVN, I: Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam, I, Hà Nội.

NPHMVKCH: Những phát hiện mới về khảo cổ học, 1975-2007, Hà Nội.

VBTLSVN-TBKH: Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam thông báo khoa học, Hà Nội.

VHSHOHA-KYHTKH: Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, Hội An, 3/2004.